CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304814339
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.10 19:42:05+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.2.0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG **TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số: 12/2026/TPS-CBTT No: 12/2026/TPS-CBTT	*Tp. HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2026* *Ho Chi Minh City, April 10, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/** ***The State Securities Commission;***
- **Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam/** ***Vietnam Stock Exchange;***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/** ***Ho Chi Minh City Stock Exchange;***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/** ***Hanoi Stock Exchange.***

1. **Tên tổ chức /** ***Name of organization*****: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG (TPS) /** ***Tien Phong Securities Corporation (TPS)***

   Mã chứng khoán/Mã thành viên / *Stock code/Broker code*: ORS

   Địa chỉ / *Address*: Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP. HCM / *7th Floor, Doji Tower, No. 81-83-85 Ham Nghi, Sai Gon Ward, HCMC.*

   Điện thoại / Telephone: 028.39118014 Fax: 028.39118015

   E-mail: tpbs@tpbs.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố /** ***Contents of disclosure*****:**

   Công ty công bố thông tin tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 được cập nhật ngày 10/04/2026 / *The Company discloses the materials for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders updated on April 10, 2026.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/04/2026 tại đường dẫn / *This information was published on the company's website on April, 2026, as in the link*:

   https://www.tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/thong-tin-co-dong/tps-tai-lieu-hop-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-nam-2026-cap-nhat?postId=2738

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố / *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG /
TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION

Người được ủy quyền công bố thông tin /
Person authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG

Nơi nhận / Recipient:

- Như đề gửi / *As submitted*;
- Lưu / *Archives*: VT.

Tài liệu đính kèm / Attached documents:

- *Tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 cập nhật/ Updated documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.*

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: 08:00 ngày 22 tháng 04 năm 2026

Địa điểm: Tầng 4, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Chương trình	Thời gian
I	**Đón tiếp và tiến hành thủ tục đăng ký dự họp, kiểm tra tư cách cổ đông**	08:00 - 08:30
II	**Nghi thức khai mạc cuộc họp**	08:30 - 09:00
1	Khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự cuộc họp.	
2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.	
3	Phát biểu khai mạc cuộc họp.	
4	Giới thiệu và biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký.	
5	Thông qua Quy chế Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.	
6	Giới thiệu và biểu quyết thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu.	
7	Thông qua chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.	
III	**Nội dung cuộc họp**	09:00 - 10:00
	Trình bày và thông qua các nội dung bao gồm: - Trình bày và thông qua các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị; - Trình bày và thông qua các báo cáo của Ban Kiểm soát; - Trình bày và thông qua Báo cáo của Ban Điều Hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026; - Trình bày và thông qua Báo cáo tài chính năm 2025, Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công Ty đã được kiểm toán; - Trình bày và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; - Trình bày và thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; - Trình bày và thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính và thay đổi chi nhánh của Công Ty; - Trình bày và thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty năm 2026; - Trình bày và thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số văn bản thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ; - Trình bày và thông qua việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát.	
IV	**Thảo luận, biểu quyết các nội dung**	10:00 - 10h30
V	**Chương trình bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031**	10:30 - 11:15
VI	**Giải lao và kiểm phiếu**	11:15 - 11:30
VII	**Công bố kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử**	11:30 - 11:45
VIII	**Tổng kết cuộc họp**	11:45 - 12:00
1	Biểu quyết thông qua Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.	
2	Bế mạc cuộc họp.	

TIEN PHONG SECURITIES

BIỂU MẪU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

THẺ BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người đại diện của cổ đông	**:**	**{FULLNAME}**
Mã số thẻ biểu quyết	**:**	**{MSBQ}**
Số cổ phần trực tiếp sở hữu	**:**	**{SHAREHOLDERVALUE} cổ phần**
Số cổ phần đại diện sở hữu	**:**	**{AUTHVALUE} cổ phần**
Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	**:**	**{SHAREVALUE} cổ phần**
Tổng số phiếu biểu quyết	**:**	**{TOTALVALUE} phiếu**

Ý kiến biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 22 tháng 04 năm 2026 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**"):

STT	**VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT**	**PHƯƠNG ÁN BIỂU QUYẾT** *Đánh dấu "X" vào ô lựa chọn tương ứng dưới đây* (*)		
		Tán thành	**Không tán thành**	**Không có ý kiến**
1	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội Đồng Quản Trị (chi tiết tại Báo cáo số 01/BC-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026).	☐	☐	☐
2	Thông qua Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2025 và kế hoạch ngân sách năm 2026 của Hội Đồng Quản Trị (chi tiết tại Báo cáo số 02/BC-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026).	☐	☐	☐
3	Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và đánh giá của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2025 (chi tiết tại Báo cáo số 03/BC-TPS.HĐQT.TVĐL ngày 30/03/2026).	☐	☐	☐
4	Thông qua Báo cáo của Ban Điều Hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 (chi tiết tại Báo cáo số 01/BC-TPS.BĐH ngày 30/03/2026).	☐	☐	☐
5	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm Soát (chi tiết tại Báo cáo số 01/BC-TPS.BKS ngày 30/03/2026).	☐	☐	☐
6	Thông qua Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2025 và kế hoạch ngân sách năm 2026 của Ban Kiểm Soát (chi tiết tại Báo cáo số 02/BC-TPS.BKS ngày 30/03/2026).	☐	☐	☐
7	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025, Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công Ty đã được kiểm toán (chi tiết tại Tờ trình số 01/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 10/04/2026 của Hội Đồng Quản Trị).	☐	☐	☐

Xem tiếp trang sau

8	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 (chi tiết tại Tờ trình số 02/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội Đồng Quản Trị).	☐	☐	☐
9	Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính và thay đổi chi nhánh của Công Ty (chi tiết tại Tờ trình số 03/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội Đồng Quản Trị).	☐	☐	☐
10	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số văn bản thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông (chi tiết tại Tờ trình số 04/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội Đồng Quản Trị).	☐	☐	☐
11	Thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với tổng hạn mức phát hành trái phiếu là 3.000 tỷ đồng (chi tiết tại Tờ trình số 05/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội Đồng Quản Trị).	☐	☐	☐
12	Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Công Ty (chi tiết tại Tờ trình số 01/2026/TTr-TPS.BKS ngày 30/03/2026 của Ban Kiểm Soát).	☐	☐	☐
13	Thông qua việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát (chi tiết tại Tờ trình số 02/2026/TTr-TPS.BKS ngày 30/03/2026 của Ban Kiểm Soát).	☐	☐	☐

---//---

{%P_FILENAME}

{P_MSBS}

QR Code

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2026

Cổ đông/Người đại diện của cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

{FULLNAME}

(*) ***Lưu ý:***

- *Cổ đông đánh dấu "X" vào duy nhất 01 (một) ô đối với mỗi vấn đề biểu quyết;*
- *Trường hợp cổ đông không đánh dấu "X" vào bất kỳ ô nào hoặc đánh dấu "X" vào nhiều hơn 01 (một) ô đối với một vấn đề biểu quyết thì mặc nhiên được hiểu là cổ đông biểu quyết "Không có ý kiến" đối với vấn đề biểu quyết đó;*
- *Cổ đông có lợi ích liên quan đến vấn đề biểu quyết sẽ không có quyền biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết đó. Trong trường hợp này, tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông sẽ không được tính vào số lượng phiếu biểu quyết hợp lệ đối với vấn đề biểu quyết đó và phương án biểu quyết của cổ đông (nếu có) sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết đó.*

TIEN PHONG SECURITIES

BIỂU MẪU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

THẺ BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2026-2031

Cổ đông/Người đại diện của cổ đông	**:**	**{FULLNAME}**
Mã số thẻ bầu cử	**:**	**{MSBQ}**
Số cổ phần trực tiếp sở hữu	**:**	**{SHAREHOLDERVALUE} cổ phần**
Số cổ phần đại diện sở hữu	**:**	**{AUTHVALUE} cổ phần**
Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	**:**	**{SHAREVALUE} cổ phần**
Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần được bầu	**:**	**{V_COUNT1}**
Tổng số phiếu bầu (*Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết * Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần được bầu*)	**:**	**{TOTALVALUE} phiếu**

Biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 22 tháng 04 năm 2026 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**"):

STT	Họ và tên ứng cử viên	Chức danh ứng cử	Biểu quyết bầu (*)
1	(Ông/Bà) A	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	
2	(Ông/Bà) B	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	
3	(Ông/Bà) C	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	
4	(Ông/Bà) D	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	
5	(Ông/Bà) E	Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị	

---//---

{%P_FILENAME}

{P_MSBS}

QR Code

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2026

Cổ đông/Người đại diện của cổ đông

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

{FULLNAME}

(*) Cổ đông thực hiện biểu quyết bầu theo một trong hai phương thức sau đây:

(1) ***Ghi số phiếu bầu cụ thể vào (các) ô tương ứng có tên của (các) ứng cử viên:*** Cổ đông có quyền dùng toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Cổ đông ghi số phiếu bầu cụ thể mà cổ đông bầu cho ứng cử viên vào ô tương ứng có tên của ứng cử viên. Tổng số phiếu bầu mà cổ đông bầu cho (các) ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông; hoặc

(2) ***Đánh dấu "X" vào (các) ô tương ứng có tên của (các) ứng cử viên:*** Cổ đông có quyền đánh dấu "X" vào một hoặc nhiều ô để bầu cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Số phiếu bầu mà cổ đông bầu cho từng ứng cử viên sẽ bằng tổng số phiếu bầu của cổ đông chia đều cho số lượng (các) ứng cử viên được cổ đông bầu, số lượng phiếu bầu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Thẻ bầu cử được cổ đông thực hiện biểu quyết bầu theo một trong hai phương thức nêu trên mới được xem là hợp lệ.

TIEN PHONG SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

BIỂU MẪU

THẺ BẦU CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026-2031

Cổ đông/Người đại diện của cổ đông	:	**{FULLNAME}**
Mã số thẻ bầu cử	:	**{MSBQ}**
Số cổ phần trực tiếp sở hữu	:	**{SHAREHOLDERVALUE} cổ phần**
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	**{AUTHVALUE} cổ phần**
Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	:	**{SHAREVALUE} cổ phần**
Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát cần được bầu	:	**{V_COUNT1}**
Tổng số phiếu bầu (*Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết * Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát cần được bầu*)	:	**{TOTALVALUE} phiếu**

Biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 22 tháng 04 năm 2026 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**"):

STT	Họ và tên ứng cử viên	Chức danh ứng cử	Biểu quyết bầu (*)
1	(Ông/Bà) A	Thành viên Ban Kiểm Soát	
2	(Ông/Bà) B	Thành viên Ban Kiểm Soát	
3	(Ông/Bà) C	Thành viên Ban Kiểm Soát	

---//---

{%P_FILENAME}

{P_MSBS}

QR Code

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2026

Cổ đông/Người đại diện của cổ đông

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

{FULLNAME}

(*) Cổ đông thực hiện biểu quyết bầu theo một trong hai phương thức sau đây:

(1) ***Ghi số phiếu bầu cụ thể vào (các) ô tương ứng có tên của (các) ứng cử viên:*** Cổ đông có quyền dùng toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Cổ đông ghi số phiếu bầu cụ thể mà cổ đông bầu cho ứng cử viên vào ô tương ứng có tên của ứng cử viên. Tổng số phiếu bầu mà cổ đông bầu cho (các) ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông; hoặc

(2) ***Đánh dấu "X" vào (các) ô tương ứng có tên của (các) ứng cử viên:*** Cổ đông có quyền đánh dấu "X" vào một hoặc nhiều ô để bầu cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Số phiếu bầu mà cổ đông bầu cho từng ứng cử viên sẽ bằng tổng số phiếu bầu của cổ đông chia đều cho số lượng (các) ứng cử viên được cổ đông bầu, số lượng phiếu bầu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Thẻ bầu cử được cổ đông thực hiện biểu quyết bầu theo một trong hai phương thức nêu trên mới được xem là hợp lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐTN	*TP. HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 số 01/2026/BBH-ĐHĐCĐTN ngày 22 tháng 04 năm 2026;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội Đồng Quản Trị (chi tiết tại Báo cáo số 01/BC-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026).
2. Thông qua Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2025 và kế hoạch ngân sách năm 2026 của Hội Đồng Quản Trị (chi tiết tại Báo cáo số 02/BC-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026).
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và đánh giá của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2025 (chi tiết tại Báo cáo số 03/BC-TPS.HĐQT.TVĐL ngày 30/03/2026).
4. Thông qua Báo cáo của Ban Điều Hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 (chi tiết tại Báo cáo số 01/BC-TPS.BĐH ngày 30/03/2026).
5. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm Soát (chi tiết tại Báo cáo số 01/BC-TPS.BKS ngày 30/03/2026).
6. Thông qua Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2025 và kế hoạch ngân sách năm 2026 của Ban Kiểm Soát (chi tiết tại Báo cáo số 02/BC-TPS.BKS ngày 30/03/2026).
7. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025, Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công Ty đã được kiểm toán (chi tiết tại Tờ trình số 01/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 10/04/2026 của Hội Đồng Quản Trị).
8. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 (chi tiết tại Tờ trình số 02/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội Đồng Quản Trị).
9. Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính và thay đổi chi nhánh của Công Ty (chi tiết tại Tờ trình số 03/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội Đồng Quản Trị).
10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số văn bản thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông (chi tiết tại Tờ trình số 04/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội Đồng Quản Trị).
11. Thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với tổng hạn mức phát hành trái phiếu là 3.000 tỷ đồng (chi tiết tại Tờ trình số 05/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội Đồng Quản Trị).

12. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Công Ty (chi tiết tại Tờ trình số 01/2026/TTr-TPS.BKS ngày 30/03/2026 của Ban Kiểm Soát).

13. Thông qua việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát (chi tiết tại Tờ trình số 02/2026/TTr-TPS.BKS ngày 30/03/2026 của Ban Kiểm Soát).

Điều 2. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031

1. Danh sách thành viên Hội Đồng Quản Trị trúng cử bao gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

1	(Ông/Bà) [Họ và tên]	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
2	(Ông/Bà) [Họ và tên]	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
3	(Ông/Bà) [Họ và tên]	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
4	(Ông/Bà) [Họ và tên]	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
5	(Ông/Bà) [Họ và tên]	Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị

2. Danh sách thành viên Ban Kiểm Soát trúng cử bao gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

1	(Ông/Bà) [Họ và tên]	Thành viên Ban Kiểm Soát
2	(Ông/Bà) [Họ và tên]	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	(Ông/Bà) [Họ và tên]	Thành viên Ban Kiểm Soát

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2026. Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- CBTT theo quy định;
- Lưu: VP.HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: QCTC/ĐHĐCĐTN/2026	*TP. HCM, ngày …… tháng …… năm 2026*

DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Điều Lệ**");*

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**") được tổ chức và tiến hành theo Quy chế Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 này ("**Quy chế Tổ chức Đại hội**") với các nội dung như sau:

Điều 1. Đối tượng dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đối tượng có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 của Công Ty là tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty theo Danh sách người sở hữu chứng khoán có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày **20/03/2026** hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp (gọi chung là "**người dự họp**") khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi tại Thông báo mời họp; và trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông với Ban Tổ chức Đại hội.
3. Trong thời gian diễn ra cuộc họp, người dự họp phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều hành của Chủ tọa cuộc họp và Ban Tổ chức Đại hội; ứng xử văn minh, lịch sự và giữ gìn trật tự tại cuộc họp; không hút thuốc lá trong phòng họp; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra cuộc họp; điện thoại phải được tắt hoặc để chế độ rung.
4. Việc ghi âm, ghi hình cuộc họp phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đoàn Chủ tịch có 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tọa cuộc họp và các thành viên khác (có thể là các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và/hoặc Ban Điều hành) do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu/biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa khi thực hiện nghi thức khai mạc cuộc họp. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.
2. Quyền hạn, nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
   a. Điều hành công việc của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo chương trình và nội dung họp đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
   b. Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được ý chí của đa số người dự họp;

c. Chuẩn bị, tổng hợp các báo cáo, tờ trình trong chương trình và nội dung họp để Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết thông qua tại cuộc họp;

d. Hướng dẫn Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung họp;

e. Điều hành việc bầu cử tại cuộc họp theo đúng Quy chế Bầu cử và các nội dung có liên quan đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

f. Quyết định thứ tự phát biểu của cổ đông, giới hạn thời gian phát biểu khi cần thiết và có quyền từ chối các ý kiến không liên quan đến nội dung chương trình họp hoặc làm ảnh hưởng đến trật tự cuộc họp;

g. Giải đáp, trả lời các vấn đề do người dự họp yêu cầu thuộc phạm vi nội dung chương trình;

h. Quyết định các vấn đề phát sinh trong quá trình họp chưa được quy định trong Quy chế Tổ chức Đại hội nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ;

i. Điều hành các hoạt động liên quan khác và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra cuộc họp.

Điều 3. Ban Thư ký

1. Ban Thư ký bao gồm 02 (hai) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 01 (một) thành viên, do Chủ tọa cuộc họp đề nghị và được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu/biểu quyết thông qua tại cuộc họp. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện việc kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi được yêu cầu;

b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các báo cáo, tờ trình trong chương trình và nội dung họp; gửi, chuyển các thông báo của Đoàn Chủ tịch đến người dự họp;

c. Tiếp nhận, rà soát các ý kiến thảo luận của người dự họp được ghi tại Phiếu thảo luận và chuyển đến Đoàn Chủ tịch xem xét, giải đáp;

d. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến của cuộc họp và các vấn đề đã được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp;

e. Soạn thảo Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về các nội dung được thông qua tại cuộc họp; trình Đoàn Chủ tịch công bố để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi kết thúc cuộc họp;

f. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác theo phân công hoặc yêu cầu của Đoàn Chủ tịch.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) thành viên, do Hội Đồng Quản Trị cử/phân công tham gia công tác tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được giới thiệu tại cuộc họp. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

a. Thực hiện việc kiểm tra tư cách cổ đông và người được cổ đông ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp;

b. Tổng hợp kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp; Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ Đông về tình hình cổ đông tham dự họp và kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, đồng thời kết luận về việc đáp ứng điều kiện tiến hành cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định;

c. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác theo phân công hoặc yêu cầu của Đoàn Chủ tịch.

Điều 5. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) thành viên, do Chủ tọa cuộc họp đề nghị và được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu/biểu quyết thông qua tại cuộc họp. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

a. Thực hiện việc kiểm phiếu, xác định chính xác kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử tại cuộc họp;

b. Tổng hợp kết quả kiểm phiếu; lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo Chủ tọa cuộc họp về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử để công bố trước Đại Hội Đồng Cổ Đông theo sự phân công của Chủ tọa cuộc họp;

c. Xem xét và báo cáo Chủ tọa cuộc họp về các trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc các khiếu nại liên quan đến kết quả kiểm phiếu (nếu có);

d. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác theo phân công hoặc yêu cầu của Đoàn Chủ tịch.

Điều 6. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc cuộc họp.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

3. Việc biểu quyết được thực hiện bằng cách người dự họp ghi ý kiến vào Thẻ biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu hoặc bằng phương thức khác theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội. Kết quả kiểm phiếu đối với Thẻ biểu quyết được Ban Kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo để Chủ tọa cuộc họp công bố trước Đại Hội Đồng Cổ Đông trước khi kết thúc cuộc họp. Thẻ biểu quyết được sử dụng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế Tổ chức Đại hội này.

4. Người dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký với Ban Tổ chức Đại hội, được tham dự và tham gia biểu quyết đối với các nội dung còn lại của chương trình họp đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng

5. Việc thảo luận và giải đáp ý kiến của người dự họp tại cuộc họp được thực hiện như sau:

a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trong chương trình họp;

b. Người dự họp có nhu cầu phát biểu ý kiến đăng ký nội dung thảo luận vào Phiếu thảo luận (theo mẫu do Ban Tổ chức Đại hội quy định) và chuyển cho Ban Tổ chức Đại hội hoặc thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội;

c. Ban Tổ chức Đại hội tổng hợp và sắp xếp các Phiếu thảo luận theo thứ tự đăng ký và chuyển đến Đoàn Chủ tịch;

d. Chủ tọa cuộc họp hoặc người được Chủ tọa chỉ định sẽ xem xét và giải đáp các ý kiến của người dự họp;

e. Trường hợp do giới hạn về thời gian, các ý kiến chưa được giải đáp trực tiếp tại cuộc họp sẽ được Công Ty tổng hợp và phản hồi bằng văn bản hoặc thư điện tử (email) gửi đến người dự họp sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 7. Thẻ biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp cho người dự họp sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự cuộc họp với Ban Tổ chức Đại hội.

2. Mỗi người dự họp chỉ được phát 01 (một) Thẻ biểu quyết. Trên mỗi Thẻ biểu quyết ghi rõ tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, mã số Thẻ biểu quyết, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông.

3. Cách thức thực hiện biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

   a. Người dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào phương án biểu quyết tương ứng theo lựa chọn: "*Tán thành*", "*Không tán thành*" hoặc "*Không có ý kiến*" đối với từng vấn đề biểu quyết ghi trên Thẻ biểu quyết;

   b. Sau khi hoàn tất việc biểu quyết, người dự họp bỏ Thẻ biểu quyết vào thùng phiếu theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội.

4. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết:

   a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là Thẻ biểu quyết đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

      (i) Thẻ biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát hành theo mẫu và có đóng dấu của Công Ty;

      (ii) Thẻ biểu quyết có đầy đủ thông tin và chữ ký của cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp;

      (iii) Thẻ biểu quyết không bị rách, tẩy xóa, sửa chữa nội dung; không ghi thêm nội dung hoặc ký hiệu khác so với mẫu được phát ra.

   b. Thẻ biểu quyết không hợp lệ là Thẻ biểu quyết thuộc một trong các trường hợp sau:

      (i) Thẻ biểu quyết không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a Khoản này;

      (ii) Thẻ biểu quyết không được bỏ vào thùng phiếu hoặc được nộp sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.

      Thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

5. Trường hợp đối với một vấn đề biểu quyết mà người dự họp không lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án biểu quyết thì được xem là người dự họp đã biểu quyết "*Không có ý kiến*" đối với vấn đề biểu quyết đó.

6. Cổ đông có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết sẽ không có quyền biểu quyết đối với nội dung đó theo quy định của Điều Lệ và pháp luật. Trong trường hợp này, số phiếu biểu quyết của cổ đông sẽ không được tính vào tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó và phương án biểu quyết của cổ đông (nếu có) cũng không được tính vào kết quả biểu quyết.

7. Trường hợp người dự họp là cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không có quyền biểu quyết đối với một hoặc một số nội dung biểu quyết theo quy định của Điều Lệ và/hoặc pháp luật thì việc biểu quyết đối với các nội dung đó sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

8. Việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo Thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031, Quy chế Bầu cử và các tài liệu có liên quan được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, phù hợp với quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Biên bản họp, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông

Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trước Đại Hội Đồng Cổ Đông và được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế Tổ chức Đại hội này. Trường hợp người dự họp vi phạm Quy chế Tổ chức Đại hội này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Chủ tọa cuộc họp có quyền xem xét và quyết định biện pháp xử lý phù hợp theo quy định của Điều Lệ và pháp luật có liên quan.

2. Quy chế Tổ chức Đại hội này gồm 09 (chín) Điều và có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/BC-TPS.HĐQT	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công Ty" hoặc "TPS")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*

Hội Đồng Quản Trị ("**HĐQT**") kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội Đồng Quản Trị với các nội dung cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Năm 2025, môi trường kinh tế - tài chính toàn cầu và trong nước tiếp tục có nhiều biến động, tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với hoạt động của các doanh nghiệp và tổ chức tài chính. Mặc dù chịu tác động từ chính sách tiền tệ thắt chặt tại một số nền kinh tế lớn cùng với các yếu tố bất lợi trong nước, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được nền tảng ổn định và đà tăng trưởng tích cực.

Theo số liệu công bố, GDP năm 2025 tăng 8,02%, lạm phát được kiểm soát trong mục tiêu, trong khi hoạt động thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì xu hướng khả quan. Trên nền tảng đó, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận những tín hiệu phục hồi về điểm số và thanh khoản; hệ thống giao dịch KRX được đưa vào vận hành, góp phần tạo điều kiện cho việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đồng thời thị trường trái phiếu doanh nghiệp từng bước ổn định trở lại.

Trong bối cảnh đó, HĐQT đã chủ động định hướng chiến lược và tăng cường công tác giám sát đối với Ban Điều Hành nhằm bảo đảm hoạt động của Công Ty được triển khai thận trọng, an toàn và phù hợp với diễn biến của thị trường, đồng thời từng bước củng cố nền tảng tài chính và năng lực quản trị của Công Ty.

Một số kết quả hoạt động chính của HĐQT trong năm 2025 như sau:

1. Kết quả thực hiện các Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2025

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025

Bước vào năm 2025, Công Ty phải đối mặt với một số thách thức nội tại, đặc biệt liên quan đến một số gói trái phiếu doanh nghiệp có mức độ rủi ro tập trung, tạo áp lực nhất định lên chất lượng tài sản và hiệu quả hoạt động trong giai đoạn đầu năm. Trước bối cảnh đó, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều Hành triển khai các biện pháp tái cơ cấu theo hướng thận trọng, tập trung rà soát danh mục hoạt động, thu hẹp các nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro, đồng thời củng cố năng lực tài chính và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro.

Nhờ các giải pháp chỉ đạo chiến lược đồng bộ, hoạt động của Công Ty từng bước được ổn định và cải thiện, hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 27/06/2025 ("**Nghị quyết ĐHĐCĐ 01/2025**"), cụ thể như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ thực hiện / kế hoạch
Doanh thu hoạt động	1.379	1.484	108%
Chi phí hoạt động	1.240	716	58%
Lợi nhuận trước thuế	139	148	106%
Lợi nhuận sau thuế	111	118	106%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 ghi nhận tổng doanh thu đạt hơn 1.491 tỷ đồng (trong đó doanh thu hoạt động là 1.484 tỷ đồng) và lợi nhuận trước thuế đạt 147,5 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch 139 tỷ đồng.

Trong năm, các mảng kinh doanh cốt lõi của TPS tiếp tục được duy trì ổn định và đóng góp tích cực vào cơ cấu doanh thu. Đồng thời, hiệu quả vận hành được cải thiện rõ rệt khi chi phí hoạt động giảm 26% và chi phí quản lý giảm 47% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi phí hoạt động năm 2025 được kiểm soát ở mức 716 tỷ đồng, tương đương 58% kế hoạch, phản ánh hiệu quả của các biện pháp tái cấu trúc và tăng cường quản trị chi phí được triển khai trong năm.

1.2. Thực hiện kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu năm 2025

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu với tổng hạn mức tối đa 3.000 tỷ đồng.

Trong năm 2025, căn cứ nhu cầu vốn thực tế, Công Ty đã thực hiện phát hành/chào bán trái phiếu với tổng giá trị 1.328 tỷ đồng.

1.3. Thực hiện chào bán riêng lẻ cổ phiếu để tăng vốn điều lệ trong năm 2025

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua phương án chào bán riêng lẻ tối đa 350.000.000 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ của Công Ty.

Trên cơ sở diễn biến tích cực của giá cổ phiếu Công Ty (Mã chứng khoán: ORS, HoSE) trên thị trường và thỏa thuận đạt được với Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank), HĐQT đã trình điều chỉnh phương án chào bán riêng lẻ cho TPBank với số lượng 287.931.161 cổ phiếu, giá chào bán 12.500 đồng/cổ phiếu. Phương án điều chỉnh này đã được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/09/2025 ("**Nghị quyết ĐHĐCĐ 02/2025**").

Sau đó, Công Ty đã lập hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ và nộp đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Theo ý kiến của cơ quan quản lý, Công Ty tiếp tục trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp bất thường ngày 26/12/2025 biểu quyết trực tiếp các nội dung liên quan nhằm hoàn thiện thủ tục pháp lý của hồ sơ đăng ký chào bán. Các nội dung này đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 26/12/2025 ("**Nghị quyết ĐHĐCĐ 03/2025**"), qua đó tái khẳng định và thống nhất các nội dung của phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua trước đó.

Công Ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 để tăng vốn điều lệ theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể:

Đối tượng nhà đầu tư được chào bán cổ phiếu	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank).

Số cổ phiếu chào bán	287.931.161 cổ phiếu.
Giá chào bán	12.500 đồng/cổ phiếu.
Số vốn huy động	3.599.139.512.500 đồng.
Ngày kết thúc đợt chào bán	Ngày 31/12/2025.
Vốn điều lệ trước đợt chào bán	3.359.997.430.000 đồng.
Vốn điều lệ sau đợt chào bán	6.239.309.040.000 đồng.

1.4. Thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, ĐHĐCĐ đã thông qua Tờ trình số 01/2025/TTr-BKS ngày 27/06/2025 của Ban Kiểm Soát, theo đó: (i) thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập cho Công Ty là (các) công ty/đơn vị kiểm toán thuộc danh sách được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán tại từng thời điểm; và (ii) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán cụ thể thuộc danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán các báo cáo của Công Ty.

Trên cơ sở và trong phạm vi ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐQT ngày 27/06/2025 về việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu của Công Ty.

2. Kết quả hoạt động của các thành viên Hội Đồng Quản Trị năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty, qua đó phát huy hiệu quả vai trò định hướng chiến lược và giám sát cấp cao đối với hoạt động của Công Ty. HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Điều Hành nhằm bảo đảm hoạt động của Công Ty tuân thủ quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng quản trị, kiểm soát rủi ro và hướng đến mục tiêu phát triển ổn định, bền vững, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan.

Các thành viên HĐQT tham gia tích cực vào các cuộc họp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện thảo luận và biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều Lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT. Bên cạnh các cuộc họp định kỳ, HĐQT duy trì cơ chế thường xuyên trao đổi, thảo luận khi cần thiết để kịp thời xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công Ty.

HĐQT đã tổ chức 29 cuộc họp hợp lệ và ban hành 34 Nghị quyết trong năm 2025 liên quan đến các nội dung trọng yếu, bao gồm các phương án huy động vốn và sử dụng hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng; phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ; triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ; các vấn đề về quản trị và nhân sự cấp cao, bao gồm thay đổi Tổng Giám Đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật và bầu các chức danh thuộc HĐQT; tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, triển khai thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua các tài liệu trình ĐHĐCĐ, cùng các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Nội dung của các Nghị quyết HĐQT được trình bày đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 và các tài liệu công bố thông tin của Công Ty có liên quan.

Chủ tịch HĐQT giữ vai trò điều phối chung các hoạt động của HĐQT, bảo đảm các định hướng chiến lược được triển khai nhất quán và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công Ty. Thông qua việc gắn kết chặt chẽ giữa công tác chỉ đạo và giám sát, Chủ tịch HĐQT đã góp phần củng cố kỷ luật quản trị, nâng cao chất lượng ra quyết định và hiệu quả hoạt động của HĐQT.

Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm theo quy định, tích cực tham gia xem xét, thảo luận và đưa ra ý kiến độc lập đối với các vấn đề quan trọng của Công Ty. Các ý kiến khách quan, độc lập đã góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị (Nội dung chi tiết được trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2025).

3. Kết quả chỉ đạo chiến lược và giám sát cấp cao của Hội Đồng Quản Trị đối với Ban Điều Hành

Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục phát huy vai trò trung tâm trong công tác hoạch định chiến lược và giám sát cấp cao, bảo đảm các hoạt động của Công ty được triển khai nhất quán với định hướng phát triển, tuân thủ quy định của pháp luật và kiểm soát hiệu quả các rủi ro trọng yếu.

Trên nền tảng định hướng chiến lược đã được hoạch định, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều Hành tập trung củng cố các trụ cột kinh doanh cốt lõi, tối ưu hiệu quả phân bổ nguồn lực và triển khai các chương trình tái cấu trúc phù hợp với bối cảnh thực tế. Đồng thời, HĐQT duy trì cơ chế giám sát chủ động và liên tục, kịp thời đưa ra các chỉ đạo điều chỉnh cần thiết, qua đó bảo đảm sự ổn định trong vận hành và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Công Ty.

HĐQT cũng định hướng và giám sát chặt chẽ việc triển khai các giải pháp huy động vốn và tăng cường năng lực tài chính, bảo đảm việc sử dụng vốn phù hợp với nhu cầu phát triển, đồng thời duy trì các nguyên tắc an toàn và hiệu quả. Các giao dịch và quyết định mang tính chiến lược đều được xem xét trên cơ sở thận trọng, minh bạch và tuân thủ, nhằm bảo đảm sự hài hòa lợi ích của Công Ty.

Song song với hoạt động kinh doanh, HĐQT đã định hướng và giám sát việc triển khai chương trình tái cấu trúc theo hướng chủ động, đồng bộ và kiểm soát rủi ro. Các nội dung như tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản trị chi phí, tối ưu dòng tiền và củng cố năng lực tài chính được triển khai dưới sự chỉ đạo và giám sát xuyên suốt của HĐQT.

HĐQT cũng đã định hướng phát triển sản phẩm, dịch vụ của Công Ty theo mô hình tăng trưởng thận trọng, lấy quản trị rủi ro làm nền tảng và công nghệ làm động lực cốt lõi, đồng thời thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ nhằm bảo đảm tính nhất quán trong triển khai, hiệu quả vận hành và an toàn hệ thống.

Đối với lĩnh vực công nghệ và chuyển đổi số, HĐQT xác lập đây là trụ cột chiến lược dài hạn, qua đó chỉ đạo đầu tư nâng cấp hệ thống, phát triển nền tảng giao dịch và hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, đồng thời giám sát nghiêm ngặt tiến độ và hiệu quả đầu tư, góp phần nâng cao năng lực vận hành, chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của Công Ty.

Bên cạnh đó, HĐQT đã chỉ đạo kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống quy trình, chính sách nội bộ theo hướng chuẩn hóa và tiệm cận thông lệ quản trị tiên tiến, đồng thời giám sát việc triển khai nhằm củng cố nền tảng quản trị và bảo đảm hoạt động của Công Ty được vận hành an toàn, hiệu quả và bền vững trong dài hạn.

4. Thù lao của Hội Đồng Quản Trị

HĐQT được hưởng thù lao và các quyền lợi khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty. Thù lao của các thành viên HĐQT được trình bày thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính và được công bố công khai.

Việc chi trả thù lao cho HĐQT trong năm được thực hiện phù hợp với kế hoạch ngân sách đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Đồng thời, HĐQT đề xuất trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua kế hoạch ngân sách cho hoạt động của HĐQT trong năm 2026 (Nội dung chi tiết theo Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2024 và kế hoạch ngân sách năm 2025 của HĐQT).

5. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty với các bên liên quan

Các giao dịch giữa Công Ty với các bên liên quan trong năm 2025 được thông qua đúng thẩm quyền, tuân thủ pháp luật và được báo cáo đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 và Báo cáo thường niên năm 2025 của Công Ty đã được công bố thông tin theo quy định.

Trong năm 2025, Công Ty phát sinh 01 (một) giao dịch với Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank), cụ thể là Công Ty chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho TPBank để tăng vốn điều lệ. Giao dịch này đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2025, như đã nêu chi tiết tại Mục I.1.3 trên đây.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

1. Định hướng đối với công tác chỉ đạo chiến lược và giám sát cấp cao của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2026, HĐQT tiếp tục nâng cao vai trò chỉ đạo chiến lược và giám sát cấp cao đối với toàn bộ hoạt động của Công Ty theo hướng chủ động, linh hoạt và thích ứng với biến động của môi trường kinh doanh. Trọng tâm là bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa định hướng phát triển dài hạn và các quyết định điều hành trong từng giai đoạn, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc quản trị thận trọng.

HĐQT sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế hoạch định, rà soát và cập nhật chiến lược theo hướng linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường và bối cảnh kinh doanh. Các định hướng trọng tâm được cụ thể hóa thành các chương trình hành động, kế hoạch triển khai và chỉ tiêu đánh giá, tạo nền tảng cho việc tổ chức thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả.

Đồng thời, HĐQT tăng cường hiệu quả công tác giám sát cấp cao thông qua việc hoàn thiện mô hình quản trị và giám sát, trong đó ưu tiên nâng cao năng lực nhận diện sớm các rủi ro trọng yếu và theo dõi các cảnh báo. Phạm vi giám sát tập trung vào các lĩnh vực có ảnh hưởng trọng yếu đến an toàn và hiệu quả hoạt động, bao gồm quản trị rủi ro, cấu trúc tài chính - nguồn vốn, các chương trình, dự án chiến lược và mức độ tuân thủ.

HĐQT định hướng tiếp tục củng cố cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin với Ban Điều Hành theo hướng minh bạch, kịp thời và hiệu quả, đồng thời nâng cao tính chủ động trong hoạt động giám sát thông qua việc tăng cường chức năng cảnh báo sớm và đưa ra các khuyến nghị điều hành phù hợp.

Thông qua các định hướng trên, HĐQT hướng đến xây dựng một khuôn khổ quản trị hiện đại, có năng lực dự báo, thích ứng và kiểm soát hiệu quả, làm nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công Ty trong giai đoạn tiếp theo.

2. Định hướng đối với hoạt động của Công Ty

Trong năm 2026, Công Ty tập trung ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh, hướng đến hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được đề ra, đồng thời bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật.

Mục tiêu xuyên suốt là nâng cao hiệu quả kinh doanh một cách bền vững, trong đó tăng trưởng lợi nhuận được xác định là trọng tâm, gắn liền với yêu cầu kiểm soát rủi ro và bảo đảm an toàn hoạt động.

Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
	Thực hiện	Kế hoạch	Tăng trưởng
Doanh thu	1.484	2.250	50,91%
Lợi nhuận trước thuế	148	428	189,19%

Công Ty tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh theo từng mảng hoạt động, tập trung mở rộng quy mô gắn với nâng cao hiệu quả các hoạt động cốt lõi của công ty chứng khoán, gia tăng nguồn thu ổn định và cải thiện biên lợi nhuận. Danh mục sản phẩm, dịch vụ được rà soát và điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, tối ưu hiệu quả khai thác và bám sát nhu cầu khách hàng, qua đó thúc đẩy tăng trưởng doanh thu một cách thực chất và bền vững.

Trong hoạt động tài chính, Công Ty chủ động cân đối nguồn vốn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng trưởng, đồng thời tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tối ưu cấu trúc tài chính, góp phần cải thiện kết quả lợi nhuận.

Song song đó, Công Ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, tối ưu quy trình và tiết giảm chi phí vận hành, qua đó hỗ trợ trực tiếp cho mục tiêu tăng trưởng doanh thu và gia tăng lợi nhuận.

Công Ty cũng chủ động nghiên cứu, triển khai các sản phẩm, dịch vụ và nghiệp vụ mới có khả năng đóng góp hiệu quả vào tăng trưởng, trên cơ sở bảo đảm tính khả thi và phù hợp với định hướng phát triển chung.

Trên cơ sở các giải pháp đồng bộ nêu trên, Công Ty hướng đến tăng trưởng lợi nhuận song song với bảo đảm an toàn hoạt động, củng cố nền tảng tài chính vững chắc và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông trong trung và dài hạn.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo về hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

HĐQT cam kết tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định với tinh thần trách nhiệm cao và tính chuyên nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Công Ty và các cổ đông, đồng thời không ngừng nâng cao hiệu lực quản trị, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

Trân trọng báo cáo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- BKS (để biết)
- Lưu: VP. HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/BC-TPS.HĐQT	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NĂM 2025

VÀ KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH NĂM 2026 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026)

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*

Hội Đồng Quản Trị ("**HĐQT**") kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét và thông qua Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2025 và kế hoạch ngân sách năm 2026 của HĐQT như sau:

1. Về tình hình sử dụng ngân sách năm 2025

Ngân sách chi thù lao năm 2025 của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua là **800 triệu đồng**. Thực tế, tổng chi thù lao trong năm là **786 triệu đồng**, tương đương 98,25% kế hoạch ngân sách.

Theo đó, HĐQT tuân thủ kế hoạch ngân sách được phê duyệt, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm theo chính sách chung của Công Ty.

2. Về kế hoạch ngân sách năm 2026

Tổng ngân sách năm 2026 của HĐQT dự trù là **2.277 triệu đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng*), bao gồm chi thù lao là **693 triệu đồng** và bổ sung chi hoạt động khác là **1.584 triệu đồng**.

Như vậy, trong năm 2026, tổng ngân sách của HĐQT có sự điều chỉnh như sau:

- Mức chi thù lao công vụ năm 2026 của HĐQT dự kiến điều chỉnh giảm so với năm 2025. Thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, trách nhiệm công việc của từng thành viên HĐQT, bảo đảm không vượt ngân sách chi thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua.

- Bổ sung khoản mục chi hoạt động khác của HĐQT nhằm đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công việc của HĐQT, góp phần bảo đảm điều kiện hoạt động phù hợp với yêu cầu thực tiễn và hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác quản trị.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

NGUYỄN HỒNG QUÂN

***Nơi nhận*:**
- Như Kính gửi;
- Lưu: VP. HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/BC-TPS.HĐQT.TVĐL	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*

Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị ("**HĐQT**") kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị năm 2025

Trong năm 2025, thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty, với trọng tâm xuyên suốt là bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động quản trị.

Trên cơ sở đó, thành viên độc lập HĐQT tham gia tích cực vào toàn bộ quá trình xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; thực hiện vai trò phản biện độc lập đối với các đề xuất của Ban Điều Hành; đồng thời giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều Lệ và kiểm soát các giao dịch có khả năng phát sinh xung đột lợi ích.

Bên cạnh đó, thành viên độc lập HĐQT chủ động yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận đầy đủ tài liệu cần thiết để đánh giá các vấn đề trọng yếu một cách thận trọng và toàn diện; từ đó đưa ra các ý kiến độc lập, khách quan, góp phần nâng cao chất lượng quyết định của HĐQT, đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng, an toàn hoạt động và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công Ty và cổ đông.

Thông qua việc thực thi nhất quán vai trò giám sát và phản biện độc lập, thành viên độc lập HĐQT đã góp phần củng cố kỷ luật quản trị, tăng cường tính minh bạch và nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025.

Một số kết quả hoạt động cụ thể như sau:

- *Tham gia và nâng cao chất lượng thảo luận, quyết định của HĐQT:* Tham gia đầy đủ các cuộc họp; nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu, tích cực thảo luận và đưa ra các ý kiến độc lập, tập trung làm rõ cơ sở xây dựng phương án, đánh giá rủi ro và tính khả thi, qua đó góp phần nâng cao chất lượng và tính thận trọng trong các quyết định của HĐQT.

- *Tham gia xem xét, quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT:* Đóng góp ý kiến và biểu quyết đối với các nội dung quan trọng đã được HĐQT triển khai trong năm như phương án huy động vốn và sử dụng hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng, phương án phát hành trái phiếu, triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng

lẻ để tăng vốn điều lệ phù hợp với chấp thuận của ĐHĐCĐ và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- *Tham gia giám sát và đồng hành với hoạt động vận hành của Công Ty:* Thông qua các cuộc họp với Ban Điều Hành và lãnh đạo các đơn vị trong Công Ty, thành viên độc lập HĐQT theo dõi sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh, tiến độ thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT; đồng thời đưa ra các ý kiến trao đổi, khuyến nghị mang tính độc lập nhằm hỗ trợ Ban Điều Hành điều chỉnh kịp thời trong quá trình vận hành. Việc tham gia này được thực hiện trên nguyên tắc không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành, nhưng vẫn bảo đảm vai trò giám sát chủ động và đóng góp giá trị thực tiễn vào hiệu quả hoạt động của Công Ty.

- *Giám sát các quyết định chiến lược tái cơ cấu:* Tham gia đánh giá các phương án liên quan đến tái cơ cấu hoạt động quản trị và vận hành của Công Ty; góp phần bảo đảm các quyết định được xem xét trên cơ sở cân đối giữa mục tiêu tăng trưởng, hiệu quả và yêu cầu an toàn, qua đó duy trì sự lành mạnh của nền tảng tài chính.

- *Kiểm soát giao dịch với các bên liên quan và bảo đảm tính minh bạch:* Thực hiện giám sát độc lập đối với các giao dịch có liên quan, bảo đảm việc xem xét và thông qua tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty; qua đó góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công Ty và cổ đông.

- *Tham gia hoàn thiện hệ thống quản trị và kiểm soát nội bộ:* Đóng góp ý kiến đối với việc ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định nội bộ của Công Ty; tham gia xem xét kế hoạch kiểm soát nội bộ, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và các nội dung liên quan đến công tác quản trị, qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả vận hành tại Công Ty.

II. Đánh giá của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2025

1. Ý kiến đánh giá chung

Trong năm 2025, hoạt động của HĐQT được tổ chức và triển khai tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đồng thời bám sát thực tiễn hoạt động để kịp thời định hướng và điều chỉnh chiến lược phù hợp.

Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động và tồn tại khó khăn nội tại, HĐQT đã thể hiện rõ vai trò định hướng chiến lược một cách chủ động và linh hoạt; chỉ đạo triển khai các giải pháp phù hợp, tập trung thúc đẩy hoạt động kinh doanh, cơ cấu lại danh mục tài sản và tăng cường kiểm soát rủi ro nhằm bảo đảm an toàn hoạt động.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện, thành viên độc lập HĐQT ghi nhận:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định, đồng thời phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo chiến lược và giám sát cấp cao đối với hoạt động của Công Ty.

- Chất lượng thảo luận và ra quyết định được nâng cao rõ rệt, với sự chuẩn bị kỹ lưỡng về thông tin, phân tích đa chiều; các ý kiến độc lập được tôn trọng và xem xét đầy đủ, góp phần tăng cường tính khách quan và thận trọng trong quá trình ra quyết định của HĐQT.

- Các quyết định chiến lược được triển khai theo hướng thận trọng nhưng linh hoạt, bảo đảm cân bằng hợp lý giữa mục tiêu tăng trưởng và yêu cầu kiểm soát rủi ro, đồng thời không làm hạn chế các cơ hội phát triển của Công Ty.

- Cơ chế giám sát và phối hợp giữa HĐQT và Ban Điều Hành được duy trì hiệu quả, bảo đảm sự thống nhất trong triển khai, đồng thời giữ vững nguyên tắc giám sát độc lập và kỷ luật quản trị.

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn HĐQT không chỉ duy trì vai trò quản trị mà còn thể hiện rõ năng lực điều hướng chiến lược và vai trò trung tâm trong việc dẫn dắt, kiểm soát toàn diện quá trình tái cơ cấu; qua đó không chỉ xử lý hiệu quả các tồn tại nội tại mà còn tái thiết nền tảng hoạt động theo hướng kỷ luật, minh bạch và bền vững, tạo lập nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của Công Ty.

2. Một số ý kiến đánh giá chi tiết

2.1. Về cơ cấu tổ chức của Hội Đồng Quản Trị

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (ngày 27/06/2025), Công Ty đã thực hiện kiện toàn HĐQT thông qua việc bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT, bao gồm 01 thành viên độc lập HĐQT cho nhiệm kỳ 2021-2026, đồng thời miễn nhiệm 05 thành viên HĐQT. Cùng với đó, HĐQT đã bầu Chủ tịch HĐQT theo đúng quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Tiếp theo, tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 (ngày 27/12/2025), HĐQT tiếp tục được điều chỉnh với việc miễn nhiệm 01 thành viên độc lập HĐQT.

Sau các đợt kiện toàn, HĐQT hiện gồm 04 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. Cơ cấu HĐQT được định hình theo hướng tinh gọn, chuẩn mực và cân bằng về chức năng, qua đó nâng cao chất lượng quản trị, tăng cường tính độc lập trong giám sát và củng cố nền tảng cho việc ra quyết định chiến lược trong giai đoạn phát triển tiếp theo của Công Ty.

2.2. Về cơ chế vận hành hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Cơ chế vận hành của HĐQT được duy trì theo hướng linh hoạt, kịp thời và có kiểm soát, đáp ứng yêu cầu ra quyết định trong bối cảnh hoạt động của Công Ty có nhiều biến động. HĐQT đã tổ chức tổng cộng 29 cuộc họp, qua đó xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh, bảo đảm tính liên tục trong điều hành và triển khai chiến lược.

Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, chủ động nghiên cứu tài liệu và thể hiện rõ quan điểm đối với từng nội dung được trình. Quá trình thảo luận được thực hiện trên cơ sở thông tin được chuẩn bị đầy đủ, cho phép các quyết định được xem xét thận trọng, đồng thời vẫn bảo đảm tính kịp thời.

Các Nghị quyết HĐQT được ban hành đúng trình tự, thủ tục và nguyên tắc biểu quyết, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty. Công tác lập và lưu trữ Biên bản họp HĐQT, Nghị quyết HĐQT cùng các tài liệu có liên quan được thực hiện đầy đủ, bảo đảm tính minh bạch và phục vụ hiệu quả công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát.

Cơ chế vận hành của HĐQT trong năm 2025 đã phát huy tính hiệu lực và tính liên tục trong quản trị, bảo đảm sự kết nối chặt chẽ giữa định hướng chiến lược và quá trình tổ chức thực thi, đồng thời duy trì kỷ luật ra quyết định trong toàn hệ thống.

2.3. Về việc giám sát hoạt động của Ban Điều Hành

HĐQT đã thực hiện hiệu quả vai trò giám sát đối với hoạt động của Ban Điều Hành, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa định hướng chiến lược và quá trình tổ chức thực thi. Cơ chế báo cáo được duy trì thường xuyên, kịp thời và có hệ thống; Tổng Giám Đốc được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, chủ động cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ cũng như các vấn đề phát sinh, qua đó tạo cơ sở để HĐQT xem xét, thảo luận và đưa ra các quyết định điều hành phù hợp, kịp thời.

Ban Điều Hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các chỉ đạo của HĐQT. Hoạt động điều hành được triển khai trong khuôn khổ phân cấp rõ ràng, tuân thủ Điều Lệ và các quy định nội bộ, bảo đảm tính nhất quán, kỷ luật và kiểm soát xuyên suốt trong toàn hệ thống Công Ty.

Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp và tồn tại nhiều áp lực nội tại, HĐQT đã tăng cường chỉ đạo, giám sát và định hướng điều hành theo hướng quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; đồng thời Ban Điều Hành đã chủ động triển khai các giải pháp linh hoạt và đồng bộ, qua đó hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được giao. Một số kết quả nổi bật như sau:

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt hơn 1.491 tỷ đồng, tương đương 108% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 147,5 tỷ đồng, tương đương 106% kế hoạch.

- Hoàn thành tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ, nâng vốn điều lệ lên hơn 6.239 tỷ đồng, qua đó củng cố năng lực tài chính và mở rộng dư địa tăng trưởng.

- Triển khai phát hành 1.328 tỷ đồng trái phiếu nhằm tối ưu cấu trúc vốn, cơ cấu lại các khoản nợ hiện hữu và tăng cường nguồn lực trung - dài hạn; đồng thời thực hiện chương trình tái cấu trúc tài chính theo hướng chủ động, đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ rủi ro.

- Hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án trọng điểm về hệ thống, nền tảng giao dịch và hạ tầng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

- Tập trung kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy định nội bộ, qua đó củng cố nền tảng quản trị và bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định trong dài hạn.

Công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Điều Hành trong năm 2025 được triển khai một cách chặt chẽ, thực chất và gắn trực tiếp với kết quả đầu ra, qua đó bảo đảm hoạt động điều hành luôn bám sát định hướng chiến lược, đồng thời duy trì kỷ luật thực thi và nâng cao hiệu quả vận hành của Công Ty.

Năm 2025 ghi nhận vai trò rõ nét của HĐQT trong hoạch định và quản trị chiến lược, với các quyết định trọng yếu được triển khai trên cơ sở thận trọng, minh bạch và nhất quán với định hướng dài hạn. Qua đó, HĐQT đã củng cố kỷ cương quản trị, nâng cao hiệu lực giám sát và duy trì cân bằng giữa tăng trưởng và kiểm soát rủi ro, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Công Ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2025 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Trân trọng báo cáo!

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- BKS (để biết);
- Lưu: VP. HĐQT.

TRẦN QUANG HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/BC-TPS.BĐH	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*

Ban Điều Hành kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét và thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

1. Tình hình kinh tế vĩ mô và tình hình thị trường chứng khoán năm 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục vận động trong bối cảnh nhiều biến động, với các xu hướng nổi bật như tái cấu trúc chuỗi cung ứng, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh và sự dịch chuyển vai trò của các thị trường mới nổi. Tuy nhiên, môi trường kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do xung đột địa chính trị, áp lực nợ công và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn.

Trong bối cảnh đó, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 ước đạt 2,7-3,2%, thấp hơn 0,2-0,3 điểm phần trăm so với giai đoạn 2023-2024. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ chính sách điều hành kinh tế vĩ mô linh hoạt của các quốc gia, sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) và quá trình chuyển đổi số, cùng với xu hướng gia tăng đầu tư công và thúc đẩy chuyển đổi xanh.

Đối với Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP đạt 8,02%, thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Kết quả này phản ánh khả năng thích ứng linh hoạt của nền kinh tế cũng như hiệu quả điều hành vĩ mô trước các biến động từ môi trường bên ngoài.

Song hành với sự phục hồi của nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ. Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.178,49 điểm, tăng gần 41% so với cuối năm 2024 và nằm trong nhóm các chỉ số tăng trưởng cao tại khu vực châu Á. Giá trị vốn hóa cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) đạt 8,31 triệu tỷ đồng, tăng 59,57% so với cùng kỳ, tương đương khoảng 72,18% GDP năm 2024.

Thanh khoản thị trường cải thiện rõ rệt khi khối lượng giao dịch bình quân năm 2025 đạt khoảng 1,1 tỷ cổ phiếu/ngày, tăng 36,9% so với năm trước; giá trị giao dịch bình quân đạt 26.582 tỷ đồng/ngày, tăng 42,4% so với năm trước, cho thấy niềm tin của nhà đầu tư tiếp tục được củng cố.

Đặc biệt, việc Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong tiến trình phát triển và hội nhập của thị trường vốn Việt Nam với thị trường tài chính quốc tế.

2. Tình hình tài chính, kinh doanh năm 2025

(ĐVT: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025			
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng trưởng	Thực hiện / kế hoạch
1	**Tổng tài sản**	**11.198**		**14.336**	**28,02%**	
2	**Vốn điều lệ**	**3.366**		**6.965**	**126,92%**	**107%**
3	**Tổng doanh thu**	**2.106**	**1.379**	**1.491**	**-29,19%**	**108%**
	Doanh thu hoạt động	2.077		1.484	-28,55%	
	Doanh thu hoạt động tài chính	5		6	12,94%	
	Thu nhập khác	23		1	-95,90%	
4	**Tổng chi phí**	**1.624**		**1.343**	**-17,30%**	
	Chi phí hoạt động	971		716	-26,24%	
	Chi phí quản lý	135		71	-46,99%	
	Chi phí tài chính	518		554	7,01%	
5	**Lợi nhuận trước thuế**	**481**	**139**	**147**	**-69,4%**	**106%**
6	Hệ số an toàn vốn	426,61%		182,79%		
7	ROE	9,67%		1,55%		

Năm 2025 là giai đoạn Công Ty tập trung triển khai các giải pháp tái cơ cấu hoạt động, củng cố nền tảng quản trị và tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, hướng tới mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững trong trung và dài hạn. Trong quá trình chuyển đổi này, Công Ty chủ động rà soát và điều chỉnh chiến lược kinh doanh, cơ cấu lại một số hoạt động chưa thực sự hiệu quả, đồng thời tập trung nguồn lực cho các mảng kinh doanh cốt lõi và nâng cao năng lực quản trị. Do đó, kết quả kinh doanh năm 2025 có sự điều chỉnh so với năm trước, phản ánh quá trình tái cấu trúc và định vị lại hoạt động của Công Ty.

Về quy mô tài sản, tổng tài sản của Công Ty năm 2025 đạt 14.336 tỷ đồng, tăng 28,02% so với mức 11.198 tỷ đồng của năm 2024. Song song với việc nâng cao hiệu quả hoạt động, Công Ty cũng tăng cường năng lực tài chính thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, qua đó nâng vốn điều lệ từ 3.366 tỷ đồng lên 6.965 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 106,98%, góp phần củng cố năng lực tài chính, nâng cao khả năng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn và tạo nền tảng cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Về kết quả kinh doanh, tổng doanh thu năm 2025 đạt 1.491 tỷ đồng, giảm 29,19% so với năm 2024 nhưng vẫn vượt 8% so với kế hoạch năm. Sự sụt giảm doanh thu chủ yếu xuất phát từ việc Công Ty chủ động điều chỉnh cơ cấu hoạt động kinh doanh, thận trọng hơn trong việc triển khai một số hoạt động có mức độ rủi ro cao, đồng thời tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro và quản trị danh mục, phù hợp với định hướng phát triển an toàn và bền vững.

Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu hoạt động giảm 28,55% so với năm trước, phản ánh tác động của quá trình tái cơ cấu và điều chỉnh chiến lược kinh doanh. Doanh thu

hoạt động tài chính tăng 12,94%, cho thấy hiệu quả từ việc quản trị nguồn vốn và hoạt động đầu tư tài chính. Thu nhập khác giảm 95,90%, chủ yếu do năm 2025 không còn ghi nhận một số khoản thu nhập phát sinh như trong năm trước.

Về chi phí hoạt động, tổng chi phí năm 2025 đạt 1.343 tỷ đồng, giảm 17,30% so với năm 2024. Điểm tích cực ghi nhận ở chi phí quản lý, giảm 46,99% so với cùng kỳ, phản ánh hiệu quả từ việc tinh gọn bộ máy, tối ưu hóa cơ cấu tổ chức và tăng cường kiểm soát chi phí nội bộ trong quá trình tái cơ cấu. Trong khi đó, chi phí tài chính có xu hướng gia tăng, chủ yếu gắn với việc duy trì nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và triển khai các mảng nghiệp vụ cốt lõi, qua đó tạo áp lực nhất định lên tổng chi phí trong năm.

Kết quả, lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 148 tỷ đồng, giảm 69,4% so với năm 2024 nhưng vẫn vượt 6% so với kế hoạch năm, cho thấy định hướng ưu tiên tái cấu trúc và tăng cường quản trị rủi ro, đồng thời vẫn bảo đảm hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đã đề ra.

Về các chỉ tiêu an toàn tài chính, hệ số an toàn vốn của Công Ty năm 2025 đạt 182,79%, giảm so với năm trước nhưng vẫn đáp ứng mức tối thiểu theo quy định của pháp luật, qua đó cho thấy nền tảng tài chính của Công Ty tiếp tục được duy trì ổn định và tạo điều kiện để mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng tâm trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ và thận trọng. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 1,55%, ở mức thấp, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn còn hạn chế khi Công Ty tập trung xử lý các vấn đề tồn tại và củng cố nền tảng tài chính, quản trị rủi ro trong năm.

Nhìn chung, kết quả năm 2025 phản ánh giai đoạn chuyển đổi quan trọng trong chiến lược phát triển của Công Ty, với trọng tâm là tái cơ cấu hoạt động, tăng cường quản trị rủi ro, củng cố năng lực tài chính và tập trung phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi, qua đó tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

Đặc biệt, cuối năm 2025, sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, Công Ty chính thức trở thành Công Ty con của Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank). Sự kiện này đánh dấu bước chuyển quan trọng trong cấu trúc sở hữu và định hướng phát triển của Công Ty, đồng thời được kỳ vọng sẽ tăng cường năng lực tài chính, quản trị rủi ro và khả năng phát triển sản phẩm, dịch vụ. Thông qua mối liên kết với TPBank, Công Ty có điều kiện tận dụng thế mạnh về ngân hàng số, mạng lưới khách hàng và nền tảng công nghệ để mở rộng các mảng hoạt động kinh doanh, qua đó tạo động lực cho giai đoạn tăng trưởng trong thời gian tới.

3. Các hoạt động kinh doanh chính năm 2025

a. Hoạt động tự doanh

Năm 2025, thị trường chứng khoán ghi nhận mức tăng trưởng tích cực về thanh khoản và chỉ số. Tuy nhiên, trước các biến động liên quan đến trái phiếu của một số tổ chức phát hành, Công Ty đã chủ động điều chỉnh chiến lược đầu tư ngay từ Quý I/2025 theo hướng thu hẹp danh mục và tăng cường thanh khoản nhằm đảm bảo an toàn tài chính và duy trì sự ổn định trong hoạt động.

Đến Quý IV/2025, khi điều kiện thị trường dần cải thiện, thanh khoản của Công Ty từng bước phục hồi. Trên cơ sở đó, Công Ty triển khai trở lại hoạt động tự doanh một cách thận trọng, với danh mục tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt 2.066 tỷ đồng, tăng 15% so với thời điểm cuối Quý III/2025. Việc gia tăng quy mô danh mục được thực hiện phù hợp với năng lực vốn và định hướng kiểm soát rủi ro của Công Ty.

Kết thúc năm 2025, hoạt động tự doanh ghi nhận lợi nhuận gộp đạt 80 tỷ đồng, giảm gần 80% so với năm 2024 và chiếm 10,4% tổng cơ cấu lợi nhuận gộp của Công Ty.

b. Dịch vụ ngân hàng đầu tư

Năm 2025, Công Ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính đạt 15 tỷ đồng, giảm 31% so với năm 2024. Trong năm, Công Ty chưa ghi nhận doanh thu từ hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán.

Trong thời gian tới, với việc chính thức trở thành công ty con của Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank), Công Ty có thêm điều kiện mở rộng tệp khách hàng, nâng cao năng lực thẩm định tín dụng và tận dụng lợi thế về mạng lưới phân phối cũng như uy tín thương hiệu từ ngân hàng mẹ. Sự phối hợp trong hệ sinh thái được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng cho việc phát triển khách hàng doanh nghiệp, thúc đẩy các sản phẩm ngân hàng đầu tư và từng bước khôi phục đà tăng trưởng của mảng hoạt động này như giai đoạn 2020-2022.

c. Hoạt động môi giới chứng khoán

Hoạt động môi giới chứng khoán trong năm 2025 tiếp tục đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trong ngành, đặc biệt về mức phí giao dịch và lãi suất cho vay ký quỹ, dù vậy Công Ty vẫn ghi nhận sự cải thiện về hiệu quả hoạt động nhờ kiểm soát chi phí.

Trong năm 2025, doanh thu môi giới đạt 61 tỷ đồng, gần tương đương năm trước. Trong khi đó, chi phí môi giới giảm gần 28% nhờ tối ưu hóa chi phí vận hành. Nhờ vậy, biên lợi nhuận của mảng môi giới được cải thiện, với lợi nhuận gộp đạt 12 tỷ đồng, trong khi năm 2024 ghi nhận lỗ 5 tỷ đồng. Tuy nhiên, quy mô doanh thu môi giới vẫn còn khiêm tốn trong cơ cấu tổng doanh thu, cho thấy dư địa phát triển vẫn còn lớn. Công Ty sẽ tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng tệp khách hàng và phát triển nền tảng giao dịch nhằm từng bước gia tăng thị phần trong thời gian tới.

d. Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh nguồn vốn ghi nhận lợi nhuận gần 218 tỷ đồng, giảm 8,7% so với năm 2024. Trong đó, lãi từ hoạt động cho vay và các khoản phải thu đạt 164 tỷ đồng, giảm 16% so với năm trước; trong khi lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 54 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2024.

Bên cạnh việc quản lý chặt chẽ chi phí, Công Ty đã chủ động huy động và duy trì ổn định các nguồn vốn lưu động cũng như nguồn vốn vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại với mức lãi suất hợp lý. Qua đó, Công Ty đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động chung của Công Ty.

4. Các hoạt động hỗ trợ khác

a. Sản phẩm, công nghệ

Nhằm thu hút khách hàng và gia tăng thị phần, Công Ty tích cực triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng và xu hướng thị trường. Trong năm, Công Ty triển khai nhiều chương trình ưu đãi về phí giao dịch và lãi suất cho vay nhằm thu hút và gia tăng hoạt động giao dịch của khách hàng.

Nhận thức rõ vai trò then chốt của công nghệ trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị rủi ro và tối ưu hiệu quả vận hành, Công Ty xác định đầu tư vào công nghệ thông tin và chuyển đổi số là một trong những trụ cột chiến lược trong quá trình phát triển.

Trong những năm gần đây, Công Ty đã dành nguồn lực đáng kể để nâng cấp toàn diện hạ tầng công nghệ, tập trung vào các dự án trọng điểm nhằm hiện đại hóa hệ thống lõi (core) và chuẩn hóa quy trình vận hành theo thông lệ thị trường. Công Ty đã hoàn thành và đưa vào vận hành nhiều dự án quan trọng như nâng cấp hệ thống core chứng khoán, kết nối và sẵn sàng vận hành hệ thống KRX, triển khai eKYC, cùng các giải pháp số hóa phục vụ quản trị nội bộ và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ giúp Công Ty tăng cường năng lực xử lý giao dịch, nâng cao độ ổn định và an toàn hệ thống, đồng thời cải thiện hiệu quả kiểm soát rủi ro, quản trị danh mục và quản lý dòng tiền. Các quy trình nghiệp vụ từng bước được số hóa và tự động hóa, góp phần giảm thiểu rủi ro vận hành, tối ưu chi phí và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động. Đồng thời, nền tảng công nghệ hiện đại cũng cho phép Công Ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính nhanh chóng, linh hoạt và cá nhân hóa hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của cả khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.

b. Hoạt động quản trị rủi ro

Trong năm 2025, Công Ty tiếp tục đặt trọng tâm vào việc tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, coi đây là một trong những trụ cột quan trọng nhằm bảo đảm sự vận hành an toàn, minh bạch và bền vững của Công Ty.

Các hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ được triển khai thường xuyên, đồng bộ và chặt chẽ trên toàn hệ thống. Thông qua đó, Công Ty kịp thời phát hiện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động, đồng thời nâng cao hiệu quả phòng ngừa rủi ro ngay từ các khâu nghiệp vụ. Công Ty cũng tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, chuẩn hóa các quy trình thẩm định, phê duyệt và giám sát đối với các hoạt động kinh doanh, qua đó nâng cao tính kỷ luật và hiệu quả trong quản trị.

Bên cạnh đó, trên cơ sở đánh giá thực tiễn hoạt động trong các giai đoạn trước, Công Ty đã chủ động rà soát danh mục hoạt động, tăng cường các tiêu chí quản trị rủi ro và điều chỉnh định hướng triển khai các nghiệp vụ theo hướng thận trọng, minh bạch và kiểm soát chặt chẽ hơn.

Nhờ đó, các hoạt động kinh doanh của Công Ty ngày càng được triển khai trên nền tảng quản trị rủi ro chặt chẽ và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật cũng như quy định nội bộ, góp phần củng cố nền tảng quản trị và nâng cao mức độ an toàn, ổn định trong hoạt động của Công Ty.

c. Hoạt động nhân sự

Trong năm 2025, Công Ty chủ động tái cơ cấu và xây dựng bộ máy theo hướng tinh gọn; đến thời điểm cuối năm, tổng số nhân sự của Công Ty là 164 người. Quá trình này bao gồm việc rà soát cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại chức năng và nhiệm vụ giữa các đơn vị theo hướng giảm cấp trung gian, tăng cường phối hợp và nâng cao năng suất lao động, đồng thời vẫn bảo đảm sự ổn định cần thiết đối với các hoạt động cốt lõi.

Việc xây dựng bộ máy nhân sự tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược đã góp phần nâng cao tính linh hoạt trong vận hành, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn, đồng thời tạo nền tảng cho lộ trình phát triển trung và dài hạn của Công Ty.

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô và tình hình thị trường chứng khoán năm 2026

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường, năm 2026 được xem là giai đoạn quan trọng đối với Việt Nam trong việc củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô và tái tạo các động lực tăng trưởng.

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 được Quốc hội đặt ra ở mức từ 10% trở lên, trong khi một số tổ chức quốc tế đưa ra dự báo thận trọng hơn với mức tăng trưởng khoảng 7,2%-7,5%, phản ánh những rủi ro từ biến động địa chính trị, xu hướng điều chỉnh chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn và nguy cơ suy giảm thương mại toàn cầu. Dù vậy, triển vọng tăng trưởng của Việt Nam tiếp tục được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI duy trì tích cực, tiến độ giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh và sức cầu nội địa ổn định.

Trên nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và định hướng cải thiện môi trường đầu tư, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026 được kỳ vọng duy trì xu hướng tích cực cả về thanh khoản và chất lượng dòng vốn. Đáng chú ý, sau quá trình hoàn thiện khung pháp lý và hạ tầng giao dịch trong năm 2025, Việt Nam được kỳ vọng có thể được nâng hạng lên "Thị trường Mới nổi thứ cấp" (Secondary Emerging Market) theo đánh giá của FTSE Russell vào tháng 09/2026, qua đó góp phần thu hút thêm dòng vốn đầu tư nước ngoài và nâng cao vị thế của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, các diễn biến của thị trường được kỳ vọng sẽ mở ra thêm cơ hội phát triển đối với các công ty chứng khoán, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục tăng cường năng lực quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và củng cố nền tảng tài chính.

2. Định hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2026

Bước sang năm 2026, trên cơ sở kết quả đạt được từ quá trình tái cơ cấu và củng cố nền tảng tài chính trong năm 2025, Công Ty định hướng tiếp tục phát triển theo hướng an toàn, hiệu quả và bền vững, đồng thời từng bước khai thác các cơ hội tăng trưởng của thị trường.

Công Ty tập trung củng cố năng lực tài chính, tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gắn với việc nâng cao chất lượng tài sản và tăng cường năng lực phân tích, thẩm định trong từng mảng nghiệp vụ. Song song với đó, Công Ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro theo hướng chủ động, chuẩn hóa và minh bạch, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và các giới hạn an toàn tài chính.

Trong hoạt động kinh doanh, Công Ty định hướng phát triển các lĩnh vực cốt lõi như môi giới, ngân hàng đầu tư và dịch vụ tài chính, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Thị phần môi giới cổ phiếu được đặt mục tiêu đạt khoảng 1,0%-1,2%, song song với việc phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng nhằm gia tăng chất lượng phục vụ và mức độ gắn kết với khách hàng.

Với nền tảng tài chính được củng cố và định hướng quản trị thận trọng, Công Ty kỳ vọng năm 2026 sẽ là giai đoạn từng bước phục hồi và tăng trưởng ổn định, tạo tiền đề cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị cho cổ đông trong các năm tiếp theo.

(ĐVT: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
		Thực hiện	Kế hoạch	Tăng trưởng
1	Doanh thu	1.491	2.250	50,91%
2	Chi phí	1.343	1.822	35,67%
3	Lợi nhuận trước thuế	148	428	189,19%
4	Lợi nhuận sau thuế	118	343	190,68%

3. Một số chương trình hành động và giải pháp thực hiện năm 2026

a. Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và mở rộng tệp khách hàng

Công Ty tiếp tục triển khai hoạt động kinh doanh theo từng phân khúc khách hàng mục tiêu, thiết kế các chính sách và cơ chế kinh doanh phù hợp nhằm nâng cao mức độ cá nhân hóa và chất lượng phục vụ. Đồng thời, Công Ty đẩy mạnh phát triển các mảng hoạt động cốt lõi như môi giới chứng khoán, ngân hàng đầu tư, tư vấn phát hành và thu xếp vốn, qua đó mở rộng tệp khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

b. Tăng cường quản trị rủi ro và tối ưu hiệu quả đầu tư

Công Ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, chuẩn hóa quy trình và tăng cường cơ chế cảnh báo sớm nhằm bảo đảm tuân thủ các giới hạn an toàn trong hoạt động. Công Ty đồng thời mở rộng quan hệ với các định chế tài chính, đa dạng hóa nguồn vốn và nâng cao năng lực quản trị thanh khoản.

Trong hoạt động đầu tư và tự doanh, Công Ty bám sát diễn biến thị trường, tăng cường phân tích và dự báo nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng thời quản trị danh mục theo nguyên tắc phân bổ vốn thận trọng và kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

c. Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ

Công Ty tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ và phát triển các nền tảng giao dịch số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và hiệu quả vận hành. Song song với đó, các giải pháp **bảo mật và an toàn thông tin** được tăng cường nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong môi trường số hóa.

d. Tăng cường truyền thông và nhận diện thương hiệu

Công Ty đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, mở rộng độ phủ thương hiệu thông qua các chương trình quảng bá, hội thảo chuyên đề, báo cáo phân tích và các kênh truyền thông số. Đồng thời, Công Ty tiếp tục phát triển các dịch vụ tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chuyên sâu nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

e. Phát triển nguồn nhân lực

Công Ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua việc tăng cường đào tạo chuyên môn, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và xây dựng văn hóa tuân thủ trong toàn hệ thống, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công Ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Ban Điều Hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Ban Điều Hành cam kết điều hành hoạt động của Công Ty chủ động, hiệu quả, bám sát các mục tiêu được ĐHĐCĐ thông qua, bảo đảm cân đối giữa tăng trưởng và an toàn, hướng đến nâng cao hiệu quả kinh doanh và giá trị bền vững cho cổ đông.

Trân trọng báo cáo!

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

ĐẶNG SĨ THÙY TÂM

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban Điều Hành;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/BC-TPS.BKS	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

CỦA BAN KIỂM SOÁT

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm Soát với các nội dung cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Kết quả hoạt động của các thành viên Ban Kiểm Soát năm 2025

a. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát gồm 03 (ba) thành viên, thực hiện chức năng đại diện cổ đông trong công tác kiểm tra, giám sát và đưa ra khuyến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và nâng cao hiệu quả quản trị Công Ty.

Trong năm 2025, Ban Kiểm Soát đã thực hiện các hoạt động trọng tâm như sau:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch công tác năm, xác định rõ phạm vi, nội dung và phương thức giám sát, làm cơ sở tổ chức thực hiện thống nhất và hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ;

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty, tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu như kế hoạch kinh doanh, tài chính, quản trị rủi ro, kiểm toán và kiểm soát nội bộ; đồng thời theo dõi việc triển khai các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Điều Hành, cũng như các giao dịch với bên liên quan;

- Tham dự các cuộc họp giữa HĐQT và Ban Điều Hành nhằm duy trì hoạt động giám sát thường xuyên; qua đó kịp thời theo dõi, đánh giá hoạt động của Công Ty và việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Công Ty, đồng thời đưa ra các ý kiến giám sát độc lập đối với các vấn đề trọng yếu;

- Rà soát các báo cáo và kết quả kiểm tra của các đơn vị chuyên môn để đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, đồng thời kịp thời kiến nghị các biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro;

- Xem xét, thẩm định các báo cáo định kỳ và các báo cáo chuyên đề của Công Ty, bao gồm báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán sử dụng vốn, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công Ty;

- Giám sát việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, việc đối xử công bằng giữa các cổ đông và tính minh bạch trong công bố thông tin, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình và mức độ tin cậy trong quản trị Công Ty.

b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát năm 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm Soát đã tổ chức 02 (hai) cuộc họp chính thức (ngày 27/06/2025 và ngày 26/12/2025), đồng thời duy trì các buổi làm việc, trao đổi nội bộ và làm việc với các đơn vị chuyên môn nhằm bảo đảm thực hiện liên tục chức năng kiểm tra, giám sát. Tại các cuộc họp, Ban Kiểm Soát tập trung xem xét, thảo luận và thống nhất các nội dung trọng tâm sau:

- Thông qua kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát, làm cơ sở triển khai công tác kiểm tra, giám sát;

- Rà soát, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và việc quản lý, sử dụng vốn của Công Ty;

- Đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và công tác kiểm toán;

- Thảo luận, cho ý kiến đối với các vấn đề trọng yếu phát sinh trong quá trình hoạt động.

Trên cơ sở các nội dung đã xem xét, Ban Kiểm Soát đã đưa ra một số kết luận và kiến nghị chính như sau:

- Hoạt động của Công Ty phù hợp với định hướng đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua; công tác điều hành tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty;

- Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tiếp tục được duy trì, cần tăng cường nhận diện sớm rủi ro và nâng cao hiệu quả kiểm soát tại các lĩnh vực trọng yếu;

- Công tác công bố thông tin được thực hiện tương đối đầy đủ, cần tiếp tục nâng cao chất lượng công bố thông tin theo hướng kịp thời, nhất quán và tiệm cận thông lệ quản trị tốt;

- Các giao dịch với các bên liên quan được thực hiện theo quy định, cần tăng cường rà soát, giám sát độc lập để kiểm soát chặt chẽ rủi ro phát sinh;

- Kiến nghị Ban Điều hành tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị.

Ban Kiểm Soát đã thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát độc lập, đồng thời đưa ra các khuyến nghị nhằm củng cố kỷ luật quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công Ty.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty

2.1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công Ty

Trên cơ sở công tác giám sát trong năm 2025, Ban Kiểm Soát ghi nhận hoạt động của Công Ty được triển khai bám sát kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2025. Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, Công Ty đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành phù hợp, qua đó duy trì ổn định hoạt động và hoàn thành các mục tiêu trọng yếu.

Cụ thể, kế hoạch năm 2025 đặt mục tiêu doanh thu 1.379 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 139 tỷ đồng; thực tế, Công Ty vượt kế hoạch với doanh thu đạt 1.491 tỷ đồng (108%) và lợi nhuận trước thuế gần 148 tỷ đồng (106%).

2.2. Kết quả giám sát tình hình tuân thủ pháp luật

Ban Kiểm Soát đánh giá Công Ty cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công Ty liên quan đến quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị Công Ty; việc tổ chức ĐHĐCĐ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Công Ty vẫn phát sinh một số tồn tại liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của pháp luật, dẫn đến việc bị Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, cụ thể:

Vi phạm về công bố thông tin liên quan đến hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ: Chưa thực hiện công bố thông tin đối với một số nội dung theo quy định; đồng thời, một số báo cáo được công bố chưa đúng thời hạn, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu đã được kiểm toán năm 2022, Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (mã trái phiếu: ORSH2328001).

Vi phạm về nghĩa vụ báo cáo: Chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn đối với một số nội dung theo quy định, bao gồm việc không báo cáo về chấm dứt hợp đồng lao động với người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán, cũng như việc báo cáo chậm đối với Báo cáo thường niên năm 2023, Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2024.

Các tồn tại nêu trên chủ yếu mang tính chất thủ tục và tuân thủ thời hạn, chưa ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công Ty. Tuy nhiên, Ban Kiểm Soát lưu ý Công Ty cần tăng cường kiểm soát đối với công tác công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo, bảo đảm tuân thủ đầy đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật, đồng thời hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.

2.3. Kết quả giám sát kiện toàn cơ cấu quản trị và điều hành

Trong năm 2025, Công Ty đã triển khai kiện toàn cơ cấu quản trị và điều hành theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Cơ cấu HĐQT và Ban Kiểm Soát đã được sắp xếp lại và kiện toàn trong năm; đồng thời, Công Ty thực hiện thay đổi Tổng Giám Đốc nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành và định hướng phát triển.

Ban Kiểm Soát đánh giá các thay đổi về cơ cấu quản trị và điều hành được thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy chế nội bộ của Công Ty; qua đó góp phần tăng cường năng lực quản trị, nâng cao hiệu quả kiểm soát và bảo đảm bộ máy vận hành đáp ứng yêu cầu trong quá trình chuyển đổi.

2.4. Kết quả giám sát, thẩm định báo cáo tài chính năm của Công Ty

Giám sát báo cáo tài chính năm của Công Ty:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% Thực hiện năm 2025 / Kế hoạch năm 2025	% Thực hiện năm 2025 / Thực hiện năm 2024
Tổng doanh thu	**2.106**	**1.379**	**1.491**	**108%**	**71%**
Doanh thu hoạt động	2.077	-	1.484	-	71%
Doanh thu hoạt động tài chính	5	-	6	-	120%
Thu nhập khác	23	-	1	-	4,3%
Tổng chi phí	**1.624**	**1.240**	**1.343**	**108%**	**83%**
Chi phí hoạt động	971	-	716	-	74%
Chi phí quản lý	135	-	71	-	53%
Chi phí tài chính	518	-	554	-	107%

Chi phí khác	0,3	-	2	-	667%
Lợi nhuận trước thuế	**481**	**139**	**148**	**106%**	**31%**

Năm 2025, Công Ty vượt kế hoạch kinh doanh; tuy nhiên, doanh thu và lợi nhuận giảm so với năm trước, phản ánh tác động của thị trường và quá trình tái cơ cấu. Cơ cấu doanh thu - chi phí chuyển dịch theo hướng thận trọng, với chi phí tài chính tăng, trong khi chi phí hoạt động và quản lý được kiểm soát.

Trên cơ sở rà soát các báo cáo tài chính định kỳ và làm việc với các đơn vị liên quan, Ban Kiểm Soát đã theo dõi việc ghi nhận và trình bày các khoản mục trọng yếu, đồng thời lưu ý các biến động đáng kể về cơ cấu doanh thu, chi phí và hiệu quả sinh lời. Công tác giám sát được thực hiện liên tục, tập trung đánh giá tính tuân thủ và mức độ hợp lý của số liệu kế toán cũng như các yếu tố có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế. Ban Kiểm Soát đánh giá báo cáo được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính; đồng thời quy trình lập và công bố thông tin được thực hiện theo quy định, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy của dữ liệu tài chính.

Thẩm định báo cáo tài chính năm của Công Ty:

Ban Kiểm Soát đã thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 của Công Ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế và thống nhất nhận định rằng: "*Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.*"

Ban Kiểm Soát cũng đã thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 của Công Ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế và thống nhất nhận định: "*Không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.*"

2.5. Kết quả giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong năm 2025, Công Ty triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ trong bối cảnh phát sinh một số áp lực nội tại; theo đó, HĐQT đã định hướng tái cơ cấu theo hướng thận trọng, góp phần từng bước ổn định hoạt động và cải thiện hiệu quả kinh doanh.

Kết quả, Công Ty hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2025, với doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt khoảng 108% và 106% kế hoạch; chi phí được kiểm soát, phản ánh hiệu quả bước đầu của các giải pháp tái cấu trúc và điều chỉnh vận hành.

Đối với hoạt động huy động vốn, việc triển khai phát hành trái phiếu đạt 1.328 tỷ đồng trên hạn mức 3.000 tỷ đồng theo chủ trương kế hoạch được thông qua; đồng thời hoàn tất chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong, tăng vốn điều lệ lên hơn 6.239 tỷ đồng.

Công Ty đã thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo quy định, bảo đảm phục vụ công tác kiểm toán báo cáo tài chính và các báo cáo cần thiết khác của Công Ty.

Công tác kiểm toán được thực hiện theo quy định, hỗ trợ việc rà soát và nâng cao độ tin cậy của thông tin tài chính; đồng thời tạo cơ sở cho việc tăng cường kỷ luật tài chính và minh bạch trong công bố thông tin.

Ban Kiểm Soát đánh giá việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 được thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định, đạt được một số kết quả tích cực và cơ bản hoàn thành các mục tiêu trọng yếu đã đề ra.

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác của Công Ty

Trong năm 2025, Ban Kiểm Soát thực hiện chức năng giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý, điều hành trên cơ sở quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy chế nội bộ của Công Ty.

Đối với HĐQT, Ban Kiểm Soát ghi nhận HĐQT đã thực hiện vai trò quản trị, định hướng chiến lược và giám sát cấp cao trong phạm vi thẩm quyền; các nghị quyết, quyết định được ban hành cơ bản phù hợp với định hướng và các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chương trình làm việc của HĐQT tập trung vào các vấn đề trọng yếu, bao gồm kế hoạch kinh doanh, tái cấu trúc, quản trị rủi ro và triển khai các phương án huy động vốn của Công Ty trong năm 2025.

Đối với Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành, hoạt động điều hành được triển khai theo cơ chế phân cấp, bám sát chỉ đạo của HĐQT; đồng thời có sự điều chỉnh linh hoạt theo điều kiện thị trường, góp phần ổn định hoạt động và cải thiện hiệu quả kinh doanh.

Qua giám sát, Ban Kiểm Soát ghi nhận HĐQT, Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý, điều hành đã thực hiện quyền hạn, trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền; công tác quản trị, điều hành được duy trì ổn định và có sự điều chỉnh phù hợp với thực tiễn, góp phần bảo đảm hoạt động của Công Ty bám sát định hướng đề ra.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với HĐQT, Tổng Giám Đốc và các cổ đông

Ban Kiểm Soát duy trì cơ chế trao đổi và phối hợp công việc với HĐQT và Tổng Giám Đốc thường xuyên và kịp thời, phục vụ yêu cầu giám sát và nắm bắt tình hình hoạt động của Công Ty.

Ban Kiểm Soát được cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến công tác quản trị, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, tạo điều kiện thực hiện hiệu quả chức năng giám sát việc tuân thủ quy định và theo dõi triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với HĐQT và Tổng Giám Đốc được duy trì hiệu quả, hỗ trợ nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu lực của hệ thống quản trị tại Công Ty.
Đối với cổ đông, việc cung cấp thông tin và thực hiện các quyền của cổ đông được thực hiện theo quy định, qua đó bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đồng thời duy trì nguyên tắc công khai, minh bạch và bình đẳng trong tiếp cận thông tin.

5. Thù lao của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát được hưởng thù lao và các quyền lợi khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty. Thù lao của các thành viên Ban Kiểm Soát được trình bày thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính và được công bố công khai.

Việc chi trả thù lao cho Ban Kiểm Soát trong năm được thực hiện phù hợp với kế hoạch ngân sách đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Đồng thời, Ban Kiểm Soát đề xuất trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua kế hoạch ngân sách cho hoạt động

của Ban Kiểm Soát trong năm 2026 (Nội dung chi tiết theo Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2025 và kế hoạch ngân sách năm 2026 của Ban Kiểm Soát).

6. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty với các bên liên quan

Ban Kiểm Soát đã thực hiện giám sát đối với giao dịch với các bên liên quan, tập trung vào quy trình phê duyệt, điều kiện giao dịch và việc công bố thông tin, qua đó không ghi nhận dấu hiệu bất thường trọng yếu ảnh hưởng đến lợi ích của Công Ty và cổ đông.

Các giao dịch với bên liên quan đã được tổng hợp và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 của Công Ty theo quy định hiện hành.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy chế nội bộ của Công Ty, Ban Kiểm Soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2026 với trọng tâm nâng cao hiệu quả giám sát, tăng cường kiểm soát rủi ro và góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị Công Ty.

Trong năm 2026, Ban Kiểm Soát tập trung triển khai các nội dung trọng tâm sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều Lệ.

- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của thông tin tài chính.

- Rà soát các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan, đưa ra khuyến nghị đối với việc phê duyệt theo đúng thẩm quyền.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý, điều hành.

- Theo dõi việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đặc biệt đối với các nội dung liên quan đến tình hình tài chính, hiệu quả sử dụng vốn và các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công Ty.

- Đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, kịp thời kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro.

- Giám sát việc công bố thông tin và các nghĩa vụ báo cáo, bảo đảm tuân thủ quy định và hạn chế rủi ro phát sinh.

- Duy trì cơ chế phối hợp với HĐQT, Ban Điều hành và các đơn vị liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo về hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm Soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Ban Kiểm Soát cam kết tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định; nâng cao chất lượng giám sát, tăng cường kiểm soát rủi ro và góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị, bảo đảm hài hòa lợi ích của Công Ty và cổ đông.

Trân trọng báo cáo!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

PHẠM THỊ THANH TÂM

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- HĐQT (để biết);
- Lưu: BKS.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/BC-TPS.BKS	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NĂM 2025

VÀ KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT

(tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026)

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét và thông qua Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2025 và kế hoạch ngân sách năm 2026 của Ban Kiểm Soát như sau:

1. Về tình hình sử dụng ngân sách năm 2025

Ngân sách chi thù lao năm 2025 của Ban Kiểm Soát đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua là **140 triệu đồng**. Thực tế, tổng chi thù lao trong năm là **138 triệu đồng**, tương đương 98,57% kế hoạch ngân sách.

Theo đó, Ban Kiểm Soát tuân thủ kế hoạch ngân sách được phê duyệt, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm theo chính sách chung của Công Ty.

2. Về kế hoạch ngân sách năm 2026

Tổng ngân sách năm 2026 của Ban Kiểm Soát dự trù là **486 triệu đồng** (*Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng*), bao gồm chi thù lao là **183 triệu đồng** và bổ sung chi hoạt động khác là **303 triệu đồng**.

Như vậy, trong năm 2026, tổng ngân sách của Ban Kiểm Soát có sự điều chỉnh như sau:

- Mức chi thù lao công vụ năm 2026 của Ban Kiểm Soát dự kiến điều chỉnh tăng so với năm 2025. Thù lao cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm Soát do Trưởng Ban Kiểm Soát quyết định trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, trách nhiệm công việc của từng thành viên Ban Kiểm Soát, bảo đảm không vượt ngân sách chi thù lao của Ban Kiểm Soát được ĐHĐCĐ thông qua.

- Bổ sung khoản mục chi hoạt động khác của Ban Kiểm Soát nhằm đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công việc của Ban Kiểm Soát, góp phần bảo đảm điều kiện hoạt động phù hợp với yêu cầu thực tiễn và hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

PHẠM THỊ THANH TÂM

***Nơi nhận*:**
- Như Kính gửi;
- Lưu: BKS.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2026/TTr-TPS.HĐQT	*TP. HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025, Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công Ty đã được kiểm toán)

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công Ty" hoặc "TPS")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025, Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công Ty đã được phát hành;*

Trên cơ sở kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 do Ban Kiểm Soát thực hiện, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua các báo cáo của Công Ty bao gồm:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025, Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công Ty đã được kiểm toán

1.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công Ty đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế với ý kiến chấp nhận toàn phần; đồng thời đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty (www.tpbs.com.vn) và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Một số các chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2025 của Công Ty đã được kiểm toán như sau:

STT	Chỉ số	Số liệu trong Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán (đồng)	
		Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng tài sản	11.198.130.697.457	14.336.388.033.798
2	Doanh thu	2.105.577.648.967	1.491.188.485.215
3	Lợi nhuận trước thuế	481.449.841.543	147.505.078.037
4	Lợi nhuận sau thuế	379.111.428.571	118.498.637.900
5	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	537.388.762.306	655.887.400.206

1.2. Thông qua Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công Ty đã được kiểm toán

Công Ty thực hiện đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 để tăng vốn điều lệ từ 3.359.997.430.000 đồng lên 6.239.309.040.000 đồng.

Căn cứ theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế, tính đến ngày

31/03/2026, Công Ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ như sau:

+ Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ: **3.599.139.512.500 đồng**;

+ Số tiền đã sử dụng đến ngày 31/03/2026: **2.560.151.280.201 đồng**;

+ Số tiền chưa sử dụng tại ngày 31/03/2026: **1.038.988.232.299 đồng**.

Chi tiết Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công Ty đã được kiểm toán được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty (www.tpbs.com.vn).

2. Thông qua Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công Ty đã được kiểm toán

Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công Ty (kỳ báo cáo từ ngày 03/12/2025 đến ngày 31/12/2025) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế, sau khi Công Ty hoàn tất thực hiện đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 để tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ đã góp và thặng dư vốn cổ phần của Công Ty như sau:

Thời gian	Nội dung	Số lượng cổ phần	Vốn điều lệ đã góp (đồng)	Thặng dư vốn cổ phần (đồng)
Ngày 03/12/2025	Số dư đầu kỳ	335.999.743	3.359.997.430.000	5.916.888.000
	Tăng vốn trong kỳ (chào bán cổ phiếu riêng lẻ)	287.931.161	2.879.311.610.000	719.827.902.500
Ngày 31/12/2025	Số dư cuối kỳ	623.930.904	6.239.309.040.000	725.744.790.500

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- BKS (để biết);
- Lưu: VP. HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2026/TTr-TPS.HĐQT	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025)

Kính gửi: **Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công Ty" hoặc "TPS")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*
- *Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công Ty theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;*

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các nội dung như sau:

1. Báo cáo về việc trích lập các quỹ, dự phòng năm 2025

(ĐVT: đồng)

STT	Khoản mục	Số liệu
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chốt tại ngày 31/12/2024 (căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)	537.388.762.306
2	Lợi nhuận sau thuế thực hiện trong năm 2025	118.498.637.900
3	Trích lập quỹ các quỹ, dự phòng thực hiện trong năm 2025	0
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chốt tại ngày 31/12/2025 (căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán) (4=1+2–3)	655.887.400.206

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Công Ty đáp ứng các điều kiện được thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định của Điều Lệ và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Tuy nhiên, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế của Công Ty dự kiến được sử dụng cho kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh của Công Ty trong năm 2026; do vậy, Công Ty không phân phối lợi nhuận lũy kế năm 2025.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- BKS (để biết);
- Lưu: VP. HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2026/TTr-TPS.HĐQT	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính và thay đổi chi nhánh của Công Ty)

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công Ty" hoặc "TPS")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*
- *Căn cứ nhu cầu tổ chức, quản lý và định hướng phát triển hoạt động của Công Ty;*

Nhằm phù hợp với chiến lược phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng cường khả năng kết nối với các đối tác, cơ quan quản lý và thị trường trọng điểm, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và thay đổi chi nhánh của Công Ty, cụ thể như sau:

1. Thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công Ty

Địa điểm trụ sở chính hiện tại đã đăng ký	Địa điểm trụ sở chính mới sẽ đăng ký thay đổi
Tầng 7, Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1).	Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

2. Thay đổi tên, địa điểm chi nhánh của Công Ty

Tên, địa điểm chi nhánh hiện tại đã đăng ký	Tên, địa điểm chi nhánh mới sẽ đăng ký thay đổi
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG - CHI NHÁNH HÀ NỘI	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tầng 12, Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Hà Nội (trước đây là Phường Điện Biên, Quận Ba Đình).	Tầng 7, Tòa nhà Doji, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị: Tổ chức triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện việc thay đổi địa điểm trụ sở chính và thay đổi chi nhánh của Công Ty theo quy định của pháp luật; thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy phép thành lập và hoạt động, đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan có thẩm quyền; và quyết định các

vấn đề liên quan khác nhằm hoàn tất việc thay đổi địa điểm trụ sở chính và thay đổi chi nhánh của Công Ty.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- BKS (để biết);
- Lưu: VP. HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2026/TTr-TPS.HĐQT	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số văn bản thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông)

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công Ty" hoặc "TPS")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 26 tháng 12 năm 2025 ("**Điều Lệ**");*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 04 năm 2024;*
- *Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 11 tháng 03 năm 2022;*
- *Xét thực tiễn quản trị, điều hành tại Công Ty;*

Hội Đồng Quản Trị ("**HĐQT**") kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số văn bản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, bao gồm Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản

Việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản nêu trên nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa hệ thống văn bản nội bộ của Công Ty với quy định của pháp luật, qua đó nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động và đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành của Công Ty.

2. Nội dung chi tiết

2.1. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều Lệ tập trung vào việc cập nhật thông tin về trụ sở chính và vốn điều lệ của Công Ty, cụ thể:

a. Sửa đổi nội dung quy định về địa chỉ trụ sở chính của Công Ty tại Khoản 3 Điều 2 của Điều Lệ như sau:

- Nội dung hiện tại: "*Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.*"
- Nội dung sửa đổi: "*Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.*"

b. Bổ sung vào "PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ" kèm theo Điều Lệ nội dung như sau:

STT	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VND)	Ghi chú
10	29/01/2026	**6.239.309.040.000 đồng**	Theo Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/01/2026, tương ứng với kết quả hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025

(*Chi tiết nội dung dự thảo Điều Lệ đính kèm*)

2.2. Ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty

Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty được xây dựng và ban hành mới, quy định đầy đủ các nội dung về quyền hạn, thẩm quyền của ĐHĐCĐ; trình tự, thủ tục triệu tập và tham dự họp ĐHĐCĐ; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát; việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát; cơ chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc (Ban Điều Hành); trách nhiệm cung cấp, công bố công khai thông tin của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát và người quản lý Công Ty; báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật cùng các nội dung có liên quan khác.

Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty được ban hành nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời phù hợp với thực tiễn hoạt động và yêu cầu quản trị của Công Ty.

(*Chi tiết nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty đính kèm*)

2.3. Ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị được xây dựng và ban hành mới, quy định đầy đủ các nội dung về cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT; thủ tục tổ chức họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT; mối quan hệ công tác của HĐQT và các nội dung có liên quan khác.

Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị được ban hành nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời phù hợp với thực tiễn hoạt động và yêu cầu quản trị của Công Ty.

(*Chi tiết nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị đính kèm*)

Trên cơ sở quy định của pháp luật có liên quan và các phân tích, đánh giá nêu trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị. Các văn bản này có hiệu lực kể từ thời điểm được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- BKS (để biết);
- Lưu: VP. HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2026/TTr-TPS.HĐQT	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với tổng hạn mức phát hành trái phiếu là 3.000 tỷ đồng)

Kính gửi: **Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công Ty" hoặc "TPS")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*
- *Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty;*

Nhằm bảo đảm nhu cầu vốn cho kế hoạch hoạt động của Công Ty trong năm 2026, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty

Tổ chức phát hành	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.
Loại hình Trái Phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có hoặc không có bảo đảm ("**Trái Phiếu**").
Mệnh giá Trái Phiếu	Tùy thuộc phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và theo quy định của pháp luật có liên quan, mệnh giá Trái Phiếu có thể là 100.000 đồng/Trái Phiếu (*một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu*) hoặc 100.000.000 đồng/Trái Phiếu (*một trăm triệu đồng một Trái Phiếu*) hoặc mức khác là bội số của 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*).
Giá phát hành/chào bán Trái Phiếu	Theo mệnh giá Trái Phiếu.
Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái Phiếu	Đồng Việt Nam (đồng).
Tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu phát hành	Tối đa **3.000.000.000.000 đồng** (ba nghìn tỷ đồng) ("**Hạn Mức Trái Phiếu**"). Để làm rõ, tổng giá trị Hạn Mức Trái Phiếu được tính là tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu được phát hành/chào bán thành công của tất cả các đợt phát hành trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 cho đến ngày bắt đầu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm liền kề tiếp theo. Trong phạm vi Hạn Mức Trái Phiếu nêu trên, Công Ty sẽ thực hiện phát hành/chào bán Trái Phiếu thông qua một hoặc chia thành nhiều đợt phát hành/chào bán Trái Phiếu (mỗi đợt phát hành/chào bán Trái Phiếu như vậy được gọi là "**Đợt Phát Hành**"). Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể tổng giá trị mệnh giá Trái

	Phiếu phát hành trong từng Đợt Phát Hành tùy thuộc vào nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Tài sản bảo đảm của Trái Phiếu (nếu có)	Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn các tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Công Ty và/hoặc bên thứ ba và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác được pháp luật cho phép nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.
Kỳ hạn của Trái Phiếu	Tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày phát hành của từng Đợt Phát Hành. Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể kỳ hạn của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm.
Lãi suất Trái Phiếu	Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể mức lãi suất và/hoặc nguyên tắc, phương thức xác định lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành, bảo đảm việc huy động vốn của Công Ty hiệu quả, phù hợp với tình hình thị trường tại từng thời điểm.
Kỳ tính lãi của Trái Phiếu	Định kỳ 03 tháng/lần, 06 tháng/lần, 12 tháng/lần hoặc thanh toán một lần tại ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn của Trái Phiếu. Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể kỳ tính lãi của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm.
Phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu	Phát hành trái phiếu riêng lẻ hoặc phát hành đại chúng/chào bán ra công chúng. Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Đối tượng tham gia mua Trái Phiếu	Các tổ chức kinh tế, định chế tài chính, tổ chức tín dụng, nhà đầu tư chứng khoán cá nhân/tổ chức có nhu cầu đầu tư Trái Phiếu bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu	Tiền gốc của Trái Phiếu được thanh toán một lần tại ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn của Trái Phiếu. Tiền lãi của Trái Phiếu được thanh toán định kỳ theo kỳ tính lãi của Trái Phiếu.
Thời gian phát hành/chào bán Trái Phiếu	Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể thời gian thực hiện phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
Mua lại Trái Phiếu trước ngày đáo hạn	Công Ty có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đã được phát hành trước ngày đáo hạn của Trái Phiếu. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể tại các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu có liên quan.
Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu	Tùy thuộc vào phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Công Ty có thể phát

	hành/chào bán Trái Phiếu cho một, một số hoặc tất cả các mục đích sau đây: (i) Cơ cấu nợ của Công Ty; (ii) Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn của Công Ty để thực hiện các nghiệp vụ tự doanh, tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán và/hoặc các nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty; và/hoặc (iii) Huy động vốn nhằm thực hiện hoạt động đầu tư của Công Ty, bao gồm thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, góp vốn đầu tư, mua cổ phần/phần vốn góp hoặc thực hiện đầu tư vốn dưới hình thức khác để phát triển quy mô hoạt động của Công Ty.
Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành/chào bán Trái Phiếu	Việc sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành/chào bán Trái Phiếu phải bảo đảm tuân thủ mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu theo phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư. Hội Đồng Quản Trị căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công Ty để cân đối việc sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành/chào bán Trái Phiếu phù hợp với quy định nêu trên, bảo đảm việc sử dụng vốn tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với kế hoạch hoạt động của Công Ty.
Nguồn thanh toán tiền gốc và lãi của Trái Phiếu	Tiền gốc và lãi của Trái Phiếu sẽ được thanh toán từ: (i) Nguồn tiền mặt của Công Ty tại thời điểm thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu; (ii) Dòng tiền thu được từ hoạt động của Công Ty; (iii) Các tài sản và nguồn tiền hợp pháp khác của Công Ty.
Đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết đối với Trái Phiếu mới được phát hành thành công trong Đợt Phát Hành	Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc đăng ký, lưu ký tại Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch/niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX)/Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) (phù hợp với phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và quy định của pháp luật) đối với toàn bộ số lượng Trái Phiếu mới được phát hành thành công trong Đợt Phát Hành. Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị triển khai thực hiện và quyết định chi tiết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết đối với toàn bộ số lượng Trái Phiếu mới được phát hành thành công trong Đợt Phát Hành.

II. Thông qua nội dung về ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị như sau:

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định, phê duyệt, thông qua, triển khai thực hiện tất cả các vấn đề liên quan đến chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán Trái Phiếu nêu trên, cụ thể:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành, bao gồm nhưng không giới hạn:

   a. Quyết định phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành: phát hành riêng lẻ hoặc phát hành đại chúng/chào bán ra công chúng;

b. Quyết định các điều khoản, điều kiện cụ thể của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu, loại hình Trái Phiếu, mệnh giá Trái Phiếu, lãi suất Trái Phiếu và nguyên tắc, phương thức xác định lãi suất Trái Phiếu, kỳ hạn của Trái Phiếu, thời điểm phát hành Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành, số lượng Trái Phiếu phát hành của từng Đợt Phát Hành;

c. Quyết định lựa chọn tiêu chí, danh sách đối tượng phát hành, đối tượng nhà đầu tư tham gia từng Đợt Phát Hành, đối tượng giao dịch mua bán Trái Phiếu;

d. Các khoản chi phí liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu.

2. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng và trả nợ số tiền thu được từ việc phát hành/chào bán Trái Phiếu (bao gồm việc quyết định nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt phát hành/chào bán Trái Phiếu để thực hiện dự án trong trường hợp Công Ty phát hành/chào bán Trái Phiếu nhằm mục đích huy động vốn để thực hiện dự án) trên cơ sở bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với kế hoạch hoạt động của Công Ty.

3. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc tạo lập biện pháp bảo đảm cho Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn: hình thức của biện pháp bảo đảm (cầm cố, thế chấp, bảo lãnh thanh toán của bên thứ ba và/hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm hợp pháp nào khác); chủng loại, số lượng, giá trị tài sản bảo đảm; việc thay đổi biện pháp bảo đảm và/hoặc tài sản bảo đảm tại từng thời điểm; các điều khoản, điều kiện, cam kết liên quan đến các tài liệu của biện pháp bảo đảm; các tài liệu liên quan đến tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, định giá tài sản bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư khi xử lý tài sản bảo đảm và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh có liên quan; các thủ tục nhằm hoàn tất việc tạo lập biện pháp bảo đảm cho Trái Phiếu.

4. Quyết định việc đàm phán, ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu.

5. Quyết định, hoàn thiện chi tiết nội dung phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung chi tiết phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu khi cần thiết để bảo đảm việc phát hành/chào bán Trái Phiếu tuân thủ quy định của pháp luật tại từng thời điểm, phù hợp với tình hình thị trường và bảo đảm việc huy động vốn của Công Ty hiệu quả.

6. Quyết định nội dung toàn bộ hồ sơ, tài liệu để thực hiện thủ tục phát hành/chào bán Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và/hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7. Quyết định và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến đăng ký, lưu ký Trái Phiếu tại VSDC và đăng ký giao dịch/niêm yết Trái Phiếu tại HNX/HOSE (phù hợp với phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và quy định của pháp luật), bao gồm nhưng không giới hạn việc quyết định số lượng Trái Phiếu được đăng ký; thời điểm thực hiện đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết Trái Phiếu; các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết Trái Phiếu; làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ, thủ tục đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết và/hoặc bất kỳ vấn đề nào khác liên quan đến đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết Trái Phiếu.

8. Quyết định, thông qua nội dung hồ sơ, tài liệu phát hành Trái Phiếu của Đợt Phát Hành và hồ sơ đăng ký, lưu ký Trái Phiếu tại VSDC, hồ sơ đăng ký giao dịch/niêm yết Trái Phiếu tại HNX/HOSE sau khi hoàn tất thực hiện Đợt Phát Hành và/hoặc bất

kỳ văn bản, hồ sơ, tài liệu, hợp đồng, thỏa thuận cần thiết khác liên quan đến và/hoặc phát sinh từ việc thực hiện Đợt Phát Hành.

9. Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu nhằm thực hiện kế hoạch phát hành/chào bán Trái Phiếu được thông qua như trên.

Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị sẽ giao/phân công/ủy quyền lại đối với một phần hoặc toàn bộ các nội dung công việc thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị nêu trên.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

S.G.P: 49-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- BKS (để biết);
- Lưu: VP. HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2026/TTr-TPS.BKS	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Công Ty)

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công Ty" hoặc "TPS")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty;*

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo vốn góp của chủ sở hữu, báo cáo tình hình sử dụng vốn và/hoặc các báo cáo cần kiểm toán khác của Công Ty, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập cho Công Ty là bất kỳ đơn vị/công ty kiểm toán nào thuộc danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) công bố tại từng thời điểm.
2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn (các) đơn vị kiểm toán thuộc danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán các báo cáo của Công Ty trong năm tài chính 2026 và cho đến khi Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập khác tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên liền kề tiếp theo.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

PHẠM THỊ THANH TÂM

***Nơi nhận*:**
- Như Kính gửi;
- HĐQT (để biết);
- Lưu: BKS.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2026/TTr-TPS.BKS	*TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát)

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công Ty" hoặc "TPS")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 26 tháng 12 năm 2025 ("**Điều Lệ**");*
- *Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 11 tháng 03 năm 2022;*
- *Xét thực tiễn quản trị, điều hành tại Công Ty;*

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét và thông qua việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát

Việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa hệ thống văn bản nội bộ của Công Ty với quy định của pháp luật, qua đó nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động và đáp ứng yêu cầu quản trị, kiểm soát tại Công Ty.

2. Nội dung chi tiết

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát được xây dựng và ban hành mới, quy định đầy đủ các nội dung về cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm Soát; thủ tục tổ chức họp Ban Kiểm Soát và lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm Soát; mối quan hệ công tác của Ban Kiểm Soát và các nội dung có liên quan khác.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát được ban hành nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời phù hợp với thực tiễn hoạt động và yêu cầu quản trị, kiểm soát của Công Ty.

(*Chi tiết nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát đính kèm*)

Trên cơ sở quy định của pháp luật có liên quan và nhu cầu thực tiễn, Ban Kiểm Soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát, có hiệu lực kể từ thời điểm được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

PHẠM THỊ THANH TÂM

***Nơi nhận*:**
- Như kính gửi;
- HĐQT (để biết);
- Lưu: BKS.

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Ngày 22 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA 1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động 2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 2
Điều 4. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty 3
Điều 5. Dấu của Công Ty 3
CHƯƠNG III. PHẠM VI, MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG 3
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 3
Điều 7. Mục tiêu hoạt động 4
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty 4
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 4
Điều 9. Vốn Điều Lệ và tỷ lệ sở hữu nước ngoài 4
Điều 10. Các loại cổ phần 4
Điều 11. Cổ đông 5
Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông 5
Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết 6
Điều 14. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức 7
Điều 15. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại 7
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông 7
Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức 7
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông 8
Điều 19. Cổ phiếu, các sản phẩm tài chính và chứng khoán khác 8
Điều 20. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ 9
Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 10
Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần 10
Điều 23. Chào bán trái phiếu 10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 10
Điều 24. Nguyên tắc quản trị, điều hành 10
Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát quản lý 11
MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 11
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông 11
Điều 27. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 11
Điều 28. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 12
Điều 29. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 13
Điều 30. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 13
Điều 31. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 14
Điều 32. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 14
Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 14
Điều 34. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông 15
Điều 35. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 16
Điều 36. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua 16
Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 17
Điều 38. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 18
Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 18

Điều 40. Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 19
MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 19
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 19
Điều 42. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị 20
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị 21
Điều 44. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị 22
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 23
Điều 46. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị 23
Điều 47. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị 24
Điều 48. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị 25
Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị 26
Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị 26
Điều 51. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị 27
Điều 52. Người phụ trách quản trị Công Ty 27
Điều 53. Kiểm toán nội bộ 27
Điều 54. Quản trị rủi ro 28
MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT 29
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát 29
Điều 56. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát 30
Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát 31
Điều 58. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát 31
Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát 32
Điều 60. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát 32
Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát 33
Điều 62. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát 33
MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 33
Điều 63. Tổ chức bộ máy điều hành 33
Điều 64. Người điều hành khác 33
Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc 34
Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc 34
Điều 67. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc 35
CHƯƠNG VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 36
Điều 68. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công Ty 36
Điều 69. Công khai các lợi ích liên quan 36
Điều 70. Giao dịch với người có liên quan 37
Điều 71. Giao dịch với cổ đông, người quản lý Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này 37
Điều 72. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan 38
Điều 73. Bảo đảm quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty 38
Điều 74. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 39
Điều 75. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc 39
Điều 76. Công khai thông tin 39
CHƯƠNG VII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 40
Điều 77. Công nhân viên và công đoàn 40
CHƯƠNG VIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ 40
Điều 78. Trả cổ tức 40
Điều 79. Xử lý lỗ trong kinh doanh 40

Điều 80. Trích lập các quỹ 40
CHƯƠNG IX. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 41
Điều 81. Tài khoản ngân hàng 41
Điều 82. Năm tài chính 41
Điều 83. Chế độ kế toán 41
CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 41
Điều 84. Trình báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị 41
Điều 85. Trình báo cáo hàng năm của Ban Kiểm Soát 41
Điều 86. Chế độ báo cáo 42
Điều 87. Công bố thông tin 42
Điều 88. Tổ chức công bố thông tin 43
CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 43
Điều 89. Kiểm toán 43
CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY 43
Điều 90. Tổ chức lại Công Ty 43
Điều 91. Tạm ngừng hoạt động 43
Điều 92. Giải thể Công Ty 44
Điều 93. Thanh lý tài sản 44
Điều 94. Phá sản Công Ty 44
CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 45
Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ 45
CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 45
Điều 96. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ 45
Điều 97. Ngày hiệu lực 45
PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ 46

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp (LDN 2000);
2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán (LCK 2019);
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, Nghị định số 245/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (NĐ 155/2020/NĐ-CP);
4. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính Phủ quy định về quản lý và sử dụng con dấu;
5. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC (TT 91/2020/TT-BTC);
6. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (TT 116/2020/TT-BTC);
7. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (TT 121/2020/TT-BTC);
8. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (TT 96/2020/TT-BTC);
9. Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC (TT 48/2019/TT-BTC);
10. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán (TT 135/2025/TT-BTC).

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều Lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

   a. "**Công Ty**" là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.

   b. "**Giấy phép thành lập và hoạt động**" là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (tên trước đây của Công Ty) và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   c. "**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**" là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   d. "**Vốn Điều Lệ**" là vốn điều lệ của Công Ty được quy định tại Điều 9 của Điều Lệ.

   e. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty[1].

   f. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty[2].

   g. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác[3].

   h. "**Người quản lý Công Ty**" hoặc "**Người quản lý**" là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc[4].

   i. "**Người nội bộ của Công Ty**" hoặc "**Người nội bộ**" bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng; Trưởng Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

   j. "**Ban Điều Hành**" là Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, Giám đốc/Trưởng các Khối và tương đương, Kế Toán Trưởng và các nhân sự khác do Tổng Giám Đốc quyết định tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty.

   k. "**Người có liên quan**" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.

   l. "**Người có quan hệ gia đình**" là người trong các mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.

   m. "**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài**" là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần trên Vốn Điều Lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế đó.

   n. "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   o. "**Luật Chứng Khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

[1] Khoản 3 Điều 4 LDN 2020
[2] Khoản 18 Điều 4 LCK 2019
[3] Khoản 5 Điều 4 LDN 2020
[4] Khoản 24 Điều 4 LDN 2020

2. Trong Điều Lệ này, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi việc đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Điều Lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động

1. Tên Công Ty:

   - Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
   - Tên bằng tiếng Anh: TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION
   - Tên giao dịch: TP SECURITIES
   - Tên viết tắt: TPS

2. Công Ty là một công ty cổ phần, có đầy đủ tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

3. Trụ sở chính của Công Ty:

   - Địa chỉ trụ sở chính:

     + Địa chỉ trụ sở chính cũ đã đăng ký: Tầng 7, Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;

     + Địa chỉ trụ sở chính mới sẽ đăng ký thay đổi (được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026): Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

   - Điện thoại: (028) 39118014 Fax: (028) 39118015
   - Email: tpbs@tpbs.com.vn Website: www.tpbs.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động của Công Ty:

   a. Công Ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi quy định của pháp luật cho phép;

   b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị trực thuộc Công Ty và Công Ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

   c. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công Ty kèm theo cụm từ "chi nhánh", "phòng giao dịch" hoặc "văn phòng đại diện" và tên riêng để phân biệt;

   d. Công Ty chỉ thực hiện các hoạt động kinh doanh tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận.

5. Thời hạn hoạt động của Công Ty sẽ bắt đầu từ ngày Công Ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu và kéo dài vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Khoản 4 Điều 92 của Điều Lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật[5]

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người

[5] Điều 12 LDN 2020 và Điều 182 NĐ 155/2020/NĐ-CP

yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công Ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám Đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người đại diện theo pháp luật và/hoặc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc để thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty tại từng thời điểm do Hội Đồng Quản Trị quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định bắt buộc khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải cư trú tại Việt Nam. Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác là Người quản lý, Người nội bộ của Công Ty đang cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 nêu trên vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công Ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc trường hợp Người đại diện theo pháp luật chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội Đồng Quản Trị cử/bổ nhiệm người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

Điều 4. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty[6]

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có trách nhiệm sau đây:

   a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;

   b. Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Dấu của Công Ty

1. Hội Đồng Quản Trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

2. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III. PHẠM VI, MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động[7]

1. Công Ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động theo các nghiệp vụ kinh doanh được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép bao gồm:

   a. Môi giới chứng khoán;

   b. Tự doanh chứng khoán;

[6] Điều 13 LDN 2020
[7] Điều 72, 86 LCK 2019

c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty được cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính và/hoặc thực hiện hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

Điều 7. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công Ty là:

1. Cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính có chất lượng.
2. Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường Việt Nam.
3. Tạo điều kiện, môi trường làm việc chuyên nghiệp cho các tài năng phát triển, nâng cao phúc lợi cho người lao động.
4. Tối đa hóa giá trị cổ phần, lợi ích cho cổ đông.
5. Góp phần phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty

Công Ty có tất cả các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 9. Vốn Điều Lệ và tỷ lệ sở hữu nước ngoài

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng một cổ phần).
2. Vốn Điều Lệ của Công Ty là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán[8], phải được bảo đảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật. Công Ty thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để ghi nhận mức Vốn Điều Lệ của Công Ty tại từng thời điểm trên Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
3. Công Ty có thể thay đổi tăng, giảm Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ[9] (tham khảo thông tin các lần tăng Vốn Điều Lệ của Công Ty được cập nhật tại Phụ Lục 01 - Vốn Điều Lệ đính kèm Điều Lệ).
4. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công Ty là 49% (bốn mươi chín phần trăm)[10].

Điều 10. Các loại cổ phần[11]

1. Các cổ phần của Công Ty chỉ có loại cổ phần phổ thông tại ngày thông qua Điều Lệ này. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
2. Tại từng thời điểm, ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi bao gồm các loại sau đây:
   a. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
   b. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
   c. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
   d. Cổ phần ưu đãi khác: theo quy định tại phương án phát hành cổ phần ưu đãi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Đặc điểm của các loại cổ phần ưu đãi:

[8] Khoản 1 Điều 112 LDN 2020
[9] Khoản 2 Điều 6 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[10] Khoản 1 Điều 77 LCK 2019
[11] Điều 114 LDN 2020

a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền biểu quyết và thời hạn ưu đãi biểu quyết đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết do tổ chức được Chính phủ ủy quyền nắm giữ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông[12];

b. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công Ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức[13];

c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công Ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều Lệ (nếu có)[14].

4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (nếu có) được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

8. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thông qua tùy từng trường hợp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 11. Cổ đông[15]

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu trong Công Ty.

2. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công Ty và các cổ đông khác.

3. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên phải thông báo đầy đủ cho Công Ty trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi nhận được thông tin đối với các trường hợp sau:

   a. Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của Tòa án;

   b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.

4. Công Ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

5. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên và người có liên quan của cổ đông đó không sở hữu trên 5% Vốn Điều Lệ của một công ty chứng khoán khác[16].

6. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 77 của Luật Chứng Khoán[17].

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông[18]

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

---

[12] Khoản 1 Điều 116 LDN 2020
[13] Khoản 1 Điều 117 LDN 2020
[14] Khoản 1 Điều 118 LDN 2020
[15] Điều 6 TT 121/2020/TT-BTC
[16] Điểm c Khoản 2 Điều 74 LCK 2019
[17] Điểm d Khoản 2 Điều 74 LCK 2019
[18] Điều 115 LDN 2020

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức biểu quyết khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có). Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty phù hợp với phương án chào bán cổ phần và/hoặc phương án tăng Vốn Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ và/hoặc theo các điều kiện được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng (nếu có);

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

g. Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;

h. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;

c. Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp;

d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:

a. Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Công Ty và cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được thực hiện theo Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết[19]

[19] Điều 116 LDN 2020

1. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.

2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

Điều 14. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức[20]

1. Nhận cổ tức theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.

2. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công Ty giải thể hoặc phá sản.

3. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 15. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại[21]

1. Được Công Ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.

2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 114 và Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông[22]

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức[23]

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản và nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức là cổ đông Công Ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông là tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

---

[20] Điều 117 LDN 2020
[21] Điều 118 LDN 2020
[22] Điều 119 LDN 2020
[23] Điều 14 LDN 2020

4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh Nghiệp.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 14 của Luật Doanh Nghiệp.

6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức[24]:

   a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại Hội Đồng Cổ Đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

   b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;

   c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông[25]

1. Công Ty phải lập và quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công Ty hoặc cả hai hình thức này.

2. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông phải bảo đảm có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông.

3. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công Ty trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông trong giờ làm việc của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công Ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Cổ phiếu, các sản phẩm tài chính và chứng khoán khác

1. Cổ phiếu[26]:

   a. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 của Luật Doanh Nghiệp.

   b. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

   c. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

[24] Điều 15 LDN 2020
[25] Điều 122 LDN 2020
[26] Điều 121 LDN 2020

(i) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

(ii) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

2. Chứng quyền có bảo đảm:

a. Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công Ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công Ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện[27].

b. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công Ty và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc nhận chuyển giao chứng khoán cơ sở; quyền chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp…).

3. Các sản phẩm tài chính[28]: Công Ty có thể thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan theo quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tại từng thời điểm.

4. Chứng khoán khác: Chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc người được Người đại diện theo pháp luật của Công Ty ủy quyền hợp lệ và dấu của Công Ty hoặc được phát hành dưới hình thức điện tử phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm[29].

Điều 20. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ

1. Tăng Vốn Điều Lệ[30]: Sau khi chính thức tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, theo sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:

a. Chào bán thêm chứng khoán ra công chúng: chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

c. Chào bán, phát hành cổ phiếu theo các hình thức khác dẫn đến tăng Vốn Điều Lệ: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền;

d. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Giảm Vốn Điều Lệ[31]:

a. Theo sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể giảm Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:

(i) Mua lại cổ phiếu để giảm Vốn Điều Lệ phù hợp với quy định Điều 36 của Luật Chứng Khoán;

(ii) Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 21 của Điều Lệ;

(iii) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b. Công Ty thực hiện giảm Vốn Điều Lệ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và đáp ứng các điều kiện sau:

[27] Khoản 6 Điều 4 LCK 2019
[28] Khoản 2 Điều 86 LCK 2019, Điều 202 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[29] Điều 8 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[30] Điều 187 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[31] Khoản 5 Điều 112 LDN 2020, Điều 36 LCK 2019 và Điều 188 NĐ 155/2020/NĐ-CP

(i) Vốn chủ sở hữu sau khi giảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

(ii) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi giảm vốn đạt tối thiểu là 180%;

(iii) Các đợt giảm vốn phải cách nhau tối thiểu 12 (mười hai) tháng;

(iv) Đáp ứng điều kiện mua lại cổ phiếu của chính mình quy định tại Điều 36 Luật Chứng Khoán;

(v) Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trình tự, thủ tục tăng, giảm Vốn Điều Lệ trong từng trường hợp được thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Sau khi hoàn tất việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ, Công Ty thực hiện thủ tục điều chỉnh (i) Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông[32]

Khi đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ, điều kiện, hình thức, thủ tục mua lại cổ phần… theo quy định của pháp luật có liên quan, việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông có thể được Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.

2. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong trường hợp nêu trên với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần[33]

1. Cổ phần của Công Ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ và/hoặc được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần của Công Ty được thực hiện bằng hình thức giao dịch trên thị trường chứng khoán với trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 23. Chào bán trái phiếu[34]

1. Công Ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo hình thức phát hành riêng lẻ hoặc phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.

2. Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt.

3. Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền phải được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 24. Nguyên tắc quản trị, điều hành[35]

[32] Điều 132 LDN 2020
[33] Điều 127 LDN 2020
[34] Khoản 2 Điều 13 NĐ 153/2020/NĐ-CP
[35] Điều 3 TT 121/2020/TT-BTC

1. Công Ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.

2. Công Ty có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng.

3. Công Ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc phù hợp với Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát quản lý [36]

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Hội Đồng Quản Trị.

3. Ban Kiểm Soát.

4. Tổng Giám Đốc.

MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông[37]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;

   d. Thông qua đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;

   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;

   f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

   g. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;

   h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;

   i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;

   j. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty; Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát;

   k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

   l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).

Điều 27. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[38]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên được tổ chức 01 lần/năm (mỗi năm một lần). Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được tổ chức đồng thời tại nhiều địa điểm. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

---

[36] Điều 137 LDN 2020 và Điều 11 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

[37] Điều 138 LDN 2020

[38] Điều 139 LDN 2020

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được trong thời hạn nêu trên, Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định gia hạn tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Công Ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong thời hạn 02 (hai) tháng tiếp theo [39].

3. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

   a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;

   b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

   c. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;

   d. Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;

   e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên;

   f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

   g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông (nếu có).

Điều 28. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[40]

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

   a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công Ty;

   b. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;

   d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.

3. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.

4. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

   a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

   b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

   c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

   d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

[39] Khoản 2 Điều 7 TT 121/2020/TT-BTC
[40] Điều 140 LDN 2020

e. Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp, hình thức tổ chức cuộc họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát[41].

7. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty[42].

8. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại trên cơ sở các chứng từ hợp lệ, đầy đủ. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 29. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[43]

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông của Công Ty. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng[44]. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người quản lý Công Ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Điều Lệ.

Điều 30. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[45]

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng

[41] Khoản 4 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[42] Khoản 4 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[43] Điều 141 LDN 2020
[44] Khoản 1 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC
[45] Điều 142 LDN 2020

Cổ Đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

4. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 31. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[46]

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty; trường hợp Công Ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết.

4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 32. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[47]

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và phải lập thành văn bản, trong đó phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

3. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;

d. Tham gia biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[48]

---

[46] Điều 143 LDN 2020

[47] Điều 144 LDN 2020

[48] Điều 145 LDN 2020

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 30 của Điều Lệ.

Điều 34. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông[49]

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành như sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định như sau đây:

   a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

   b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

   c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

   d. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa phân công công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền sau đây:

   a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình

[49] Điều 146 LDN 2020

thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

   a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

   b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

   c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Bên cạnh việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo hình thức truyền thống phù hợp với quy định của Điều Lệ này, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến tùy theo quyết định của người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

    Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh, dữ liệu thông qua mạng Internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của cuộc họp, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

    Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty có liên quan.

Điều 35. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[50]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề được quy định tại Điểm a, b, c, d, e, f Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ này phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Điều Lệ.

Điều 36. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua[51]

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều này:

   a. Thay đổi Vốn Điều Lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty quy định tại Điều 25 của Điều Lệ;

   d. Thông qua vấn đề quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 26 của Điều Lệ;

   e. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

[50] Điều 147 LDN 2020
[51] Điều 148 LDN 2020

a. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

b. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu tại từng thời điểm;

c. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 6 Điều này.

5. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

6. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông[52]

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Điều Lệ.

2. Công Ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến[53]. Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 29 của Điều Lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Điều Lệ.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 3 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

[52] Điều 149 LDN 2020

[53] Điểm a Khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Trường hợp gửi ý kiến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo quy định về bỏ phiếu điện tử được Công Ty áp dụng tại từng thời điểm;

d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 5 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.

   Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 38. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[54]

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp.

   Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

6. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[55]

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi đến cổ đông hoặc được

[54] Điều 150 LDN 2020
[55] Điều 151 LDN 2020

đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 40 của Điều Lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Điều 40. Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông[56]

1. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 39 của Điều Lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị[57]

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;

   b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

   c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

   d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;

   e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong phạm vi thẩm quyền và trong giới hạn theo quy định của pháp luật;

   f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

   g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

   h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị (nếu có); bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý, điều hành khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật hoặc quy định nội bộ của Công Ty (nếu có); quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

   i. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;

[56] Điều 152 LDN 2020
[57] Điều 153 LDN 2020

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

k. Quyết định thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị để hỗ trợ, tham mưu Hội Đồng Quản Trị trong việc quản lý Công Ty và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị;

l. Chuẩn bị nội dung, tài liệu trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, trừ các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát; duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

3. Hội Đồng Quản Trị đồng thời có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây[58]:

a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công Ty;

b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty;

c. Bảo đảm hoạt động của Công Ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy định nội bộ của Công Ty;

d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty;

e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công Ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo quy định của pháp luật;

g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty;

h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công Ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người phụ trách quản trị Công Ty và người quản lý khác của Công Ty;

i. Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật;

j. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật sau khi đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua.

4. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ quy định (nếu có). Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 42. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị[59]

[58] Điều 278 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[59] Điều 154 LDN 2020

1. Hội Đồng Quản Trị phải có không ít hơn 03 (ba) thành viên và không quá 07 (bảy) thành viên. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị trong mỗi nhiệm kỳ. Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị cần bảo đảm[60]:

   a. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành của Công Ty phải đảm bảo quy định sau:

      (i) Có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên;

      (ii) Có tối thiểu 02 (hai) thành viên không điều hành trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) thành viên.

   b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải đảm bảo quy định sau:

      (i) Có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên;

      (iii) Có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị và thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị[61]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty;

   c. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc của công ty chứng khoán khác[62];

   d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 (năm) công ty khác không phải là công ty chứng khoán[63].

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành là thành viên Hội Đồng Quản Trị không phải là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng của Công Ty[64].

3. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

   b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;

---

[60] Điều 276 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[61] Điều 155 LDN 2020
[62] Khoản 1 Điều 8 TT 121/2020/TT-BTC
[63] Khoản 3 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[64] Khoản 56 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;

f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội Đồng Quản Trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có liên quan.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ tương tự như thành viên Hội Đồng Quản Trị khác.

Điều 44. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị[65]

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố phải bao gồm các thông tin tối thiểu sau đây:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ chuyên môn;

   c. Quá trình công tác;

   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác);

   e. Các lợi ích liên quan đến Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty (nếu có).

   Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến Công Ty của ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 của Điều Lệ có quyền đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần phải biểu quyết bầu, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc Hội Đồng Quản Trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

[65] Điều 274 NĐ 155/2020/NĐ-CP

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị[66]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện như sau[67]:

    a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty;

    b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, ngoài ra phải bảo đảm các trách nhiệm sau đây:

    a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;

    b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

    c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

    d. Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

    e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.

3. Từng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị[68].

Điều 46. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị[69]

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị bầu 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm Tổng Giám Đốc của Công Ty[70].

3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

    a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

    b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

    c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

    d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

    e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

---

[66] Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[67] Điều 159 LDN 2020
[68] Khoản 3 Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[69] Điều 156 LDN 2020
[70] Khoản 2 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP

f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị; giám sát các thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung;

g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

4. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;

d. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo phân công của Hội Đồng Quản Trị tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 47. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị[71]

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều Lệ. Hội Đồng Quản Trị họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Địa điểm cuộc họp Hội Đồng Quản Trị là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

[71] Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

   Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều Lệ và/hoặc Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, thư điện tử, phiếu biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và phải được giữ bí mật đến thời điểm biểu quyết.

11. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Điều 48. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị[72]

1. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

[72] Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan[73].

3. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, thể hiện được đầy đủ nội dung cuộc họp. Trường hợp cần thiết theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nội dung một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được lập thành nhiều biên bản với điều kiện tất cả các biên bản phải thể hiện được đầy đủ toàn bộ nội dung của cuộc họp đó. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.

4. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua[74]. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị[75]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 43 của Điều Lệ;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
   a. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
   b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 42 của Điều Lệ;
   c. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị[76]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được hưởng thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao

[73] Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN
[74] Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[75] Điều 160 LDN 2020
[76] Điều 163 LDN 2020

và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được yêu cầu thanh toán chi phí đi lại, ăn, ở và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 51. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị[77]

1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và/hoặc hỗ trợ, tham mưu Hội Đồng Quản Trị trong việc quản trị Công Ty và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị quyết định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, ngân sách hoạt động và nhân sự của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị và quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 52. Người phụ trách quản trị Công Ty[78]

1. Hội Đồng Quản Trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 46 của Điều Lệ. Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế và/hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty.

2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

3. Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;

   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;

   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

   d. Tham dự các cuộc họp;

   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;

   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát;

   g. Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;

   h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

   i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;

   j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 53. Kiểm toán nội bộ[79]

1. Hội Đồng Quản Trị ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của Công Ty theo quy định của pháp luật.

---

[77] Điều 31 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

[78] Điều 281 NĐ 155/2020/NĐ-CP

[79] Khoản 2, 3 và 4 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC; Nghị định 05/2019/NĐ-CP

2. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bảo mật theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

   a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính đến năm được bổ nhiệm;

   b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

   c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Chi Nhánh trong Công Ty;

   d. Có chứng chỉ Chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

   e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.

Điều 54. Quản trị rủi ro[80]

1. Hội Đồng Quản Trị phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo nguyên tắc sau đây:

   a. Hệ thống tổ chức quản trị rủi ro tối thiểu phải quy định các nội dung:

      (i) Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc quản trị rủi ro;

      (ii) Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc quản trị rủi ro;

      (iii) Trách nhiệm của Bộ phận Quản trị rủi ro và các trưởng Bộ phận nghiệp vụ trong việc quản trị rủi ro;

      (iv) Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội Đồng Quản Trị thông qua;

      (v) Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;

      (vi) Công tác quản lý kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám Đốc;

      (vii) Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

   b. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải bảo đảm Công Ty có khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

   c. Hệ thống quản trị rủi ro phải được xây dựng để bảo đảm công tác quản trị rủi ro được thực hiện độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất.

   d. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải bảo đảm các Bộ phận nghiệp vụ và Bộ phận Quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau và người phụ trách Bộ phận nghiệp vụ không đồng thời phụ trách Bộ phận Quản trị rủi ro và ngược lại.

2. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro trong Công Ty phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

   a. Hệ thống quản trị rủi ro trong Công Ty phải được vận hành dựa trên các quy trình, quy chế nội bộ bằng văn bản.

   b. Các quy trình, quy chế nội bộ phải được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể,

[80] Điều 11 TT 121/2020/TT-BTC

chi tiết về quy trình, quy chế quản trị rủi ro liên quan. Công Ty phải thường xuyên rà soát và cập nhật lại các quy trình, quy chế nội bộ này.

c. Các quy trình, quy chế nội bộ phải bảo đảm cơ quan quản lý Nhà nước, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ, Ban Kiểm Soát hiểu được hoạt động quản trị rủi ro của Công Ty.

d. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Cơ cấu tổ chức và mô tả chức năng nhiệm vụ, cơ chế phân cấp thẩm quyền quyết định và trách nhiệm;

(ii) Chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo trao đổi thông tin về rủi ro và xử lý rủi ro;

(iii) Các quy tắc phải bảo đảm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Công Ty phải xây dựng hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung: xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, giám sát rủi ro và xử lý rủi ro.

4. Xây dựng kế hoạch dự phòng:

a. Công Ty phải xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp xảy ra nhằm bảo đảm tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Công Ty.

b. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng. Kế hoạch dự phòng phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

5. Nguyên tắc lưu trữ hồ sơ, tài liệu:

b. Tất cả hồ sơ, tài liệu, báo cáo, biên bản họp, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo về rủi ro, các quyết định của Tổng Giám Đốc và các tài liệu khác liên quan đến quản trị rủi ro phải được lưu trữ đầy đủ và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước khi có yêu cầu.

c. Thời gian lưu trữ các tài liệu quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

1. Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây[81]:

a. Thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công Ty, giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Công Ty và việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động, quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và bán niên của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công Ty;

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;

[81] Điều 170 LDN 2020 và Điều 288 NĐ 155/2020/NĐ-CP

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ, Ban Kiểm Soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

g. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và cổ đông Công Ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác của Công Ty vi phạm pháp luật, Điều Lệ thì Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc vi phạm pháp luật, Điều Lệ dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công Ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm Soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định và/hoặc triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật nêu trên, Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm [82];

i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty;

j. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

k. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

l. Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Xây dựng Quy chế hoạt động, Quy trình kiểm soát của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

n. Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây[83]:

a. Triệu tập các cuộc họp Ban Kiểm Soát;

b. Yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 56. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát[84]

[82] Điểm d Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

[83] Khoản 2 Điều 38 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

[84] Điều 168 LDN 2020

1. Ban Kiểm Soát phải có không ít hơn 03 (ba) thành viên và không quá 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Ban Kiểm Soát trong mỗi nhiệm kỳ.

2. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các Kiểm Soát Viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát được quy định tại Khoản 2 Điều 55 của Điều Lệ này. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm Soát Viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp Kiểm Soát Viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Trường hợp có Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Kiểm Soát Viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm Soát.

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát[85]

1. Thành viên Ban Kiểm Soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;

   c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty và công ty mẹ; không được là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty mẹ và tại Công Ty;

   d. Không phải là người quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;

   e. Không thuộc các trường hợp sau[86]:

      (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;

      (ii) Là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

   f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Trưởng Ban Kiểm Soát phải có thêm tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty[87];

   b. Không được đồng thời là thành viên ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác[88].

Điều 58. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát[89]

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 44 của Điều Lệ.

---

[85] Điều 169 LDN 2020
[86] Khoản 2 Điều 286 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[87] Khoản 3 Điều 286 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[88] Điểm a Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC
[89] Điều 285 NĐ 155/2020/NĐ-CP

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Ban Kiểm Soát cần phải biểu quyết bầu, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

3. Việc bầu thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Điều Lệ[90].

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát[91]

1. Thành viên Ban Kiểm Soát có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát được thực hiện như sau[92]:

   a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm: (i) thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và tài liệu kèm theo; (ii) nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; (iii) báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành;

   b. Kiểm Soát Viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;

   c. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên hoặc Ban Kiểm Soát.

2. Kiểm Soát Viên có trách nhiệm sau đây:

   a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

   b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;

   c. Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).

3. Trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì Kiểm Soát Viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm Soát Viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm Soát Viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 60. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát[93]

1. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm Soát. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.

2. Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

---

[90] Khoản 3 Điều 148 LDN 2020

[91] Điều 173 LDN 2020 và Điều 287 NĐ 155/2020/NĐ-CP

[92] Điều 171 LDN 2020

[93] Điều 289 NĐ 155/2020/NĐ-CP

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát[94]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định tại Điều 57 của Điều Lệ;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát trong trường hợp sau đây:
   a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
   d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 62. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát[95]

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát.
2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.

MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 63. Tổ chức bộ máy điều hành

1. Công Ty phải bảo đảm bộ máy điều hành chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty.
2. Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty bao gồm có 01 (một) Tổng Giám Đốc và (các) Phó Tổng Giám Đốc (nếu có).
3. Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty phải xây dựng các quy định làm việc của Ban Tổng Giám Đốc và phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua. Quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây[96]:
   a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám Đốc;
   b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp Ban Tổng Giám Đốc;
   c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc đối với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.

Điều 64. Người điều hành khác[97]

1. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được bổ nhiệm, tuyển dụng Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng với số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị của Công Ty, phù hợp với cơ cấu tổ chức Công Ty được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

[94] Điều 174 LDN 2020
[95] Điều 172 LDN 2020
[96] Khoản 4 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC
[97] Điều 34 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

Những người điều hành Công Ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Công Ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Công Ty trả lương cho những người điều hành Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công Ty. Tiền lương của những người điều hành Công Ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc[98]

1. Công Ty có 01 (một) Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng Giám Đốc là người điều hành cao nhất của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc[99]:

   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

   c. Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại Bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

   d. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

   e. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật;

   f. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;

   g. Không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

   h. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công Ty, Kiểm Soát Viên của Công Ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công Ty và công ty mẹ;

   i. Không được là người có liên quan của người quản lý Công Ty, Kiểm Soát Viên của Công Ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công Ty và công ty mẹ theo quy định tại Điểm d Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán;

   j. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công Ty;

   k. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc[100]

1. Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

   b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông;

---

[98] Khoản 1 và Khoản 2 Điều 162 LDN 2020

[99] Khoản 5 Điều 74 LCK 2019, Khoản 5 Điều 162 LDN 2020, Khoản 6 Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC

[100] Khoản 3, Khoản 4 Điều 162 LDN 2020 và Khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

e. Tuyển dụng lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;

f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

2. Tổng Giám Đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.

Điều 67. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc[101]

1. Công Ty phải thiết lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công Ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

   a. Hoạt động của Công Ty tuân thủ quy định của Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;

   b. Bảo đảm quyền lợi khách hàng;

   c. Hoạt động của Công Ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

   d. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công Ty.

2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:

   a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty;

   b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công Ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công Ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

   c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

   d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn tài chính;

   e. Tách biệt tài sản của khách hàng;

   f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

   g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

   h. Nội dung khác theo nhiệm vụ được Tổng Giám Đốc giao.

3. Yêu cầu nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

   a. Bố trí tối thiểu 01 (một) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;

   b. Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

[101] Điều 12 TT 121/2020/TT-BTC

c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Chi Nhánh trong Công Ty;

d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.

CHƯƠNG VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 68. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công Ty[102]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và những người liên quan của các đối tượng này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.

3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Ngoài các trách nhiệm nêu trên, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong các trường hợp sau đây[103]:

   a. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

   b. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 69. Công khai các lợi ích liên quan[104]

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.

3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

---

[102] Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[103] Điều 299 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[104] Điều 164 LDN 2020

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau đây:

   a. Công Ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

   b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nêu trên tại (các) chi nhánh của Công Ty;

   c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai tại trụ sở chính của Công Ty trong giờ làm việc;

   d. Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm c Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công Ty và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong việc thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau đây:

      (i) Người có yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan gửi văn bản đề nghị đến Công Ty tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện việc xem xét, trích lục, sao chép;

      (ii) Công Ty chỉ cung cấp bản gốc hoặc tập dữ liệu điện tử các nội dung được yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép tại trụ sở chính của Công Ty. Việc xem xét, trích lục và sao chép các nội dung này phải được thực hiện dưới sự chứng kiến của tối thiểu 01 (một) nhân viên của Công Ty được người quản lý phân công;

      (iii) Công Ty không gửi bản chính, bản sao, tập dữ liệu điện tử hoặc dưới bất kỳ hình thức nào của các thông tin, dữ liệu cho người yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép dưới bất kỳ phương thức nào, dù là chuyển phát nhanh, fax hoặc email;

      (iv) Trường hợp người có quyền yêu cầu nêu trên ủy quyền cho người khác thực hiện xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan thì việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Điều 70. Giao dịch với người có liên quan[105]

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công Ty.

Điều 71. Giao dịch với cổ đông, người quản lý Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này[106]

1. Trừ trường hợp được phép thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức và không được dùng tiền, tài sản của Công Ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.

[105] Điều 292 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[106] Điều 27 TT 121/2020/TT-BTC

2. Công Ty không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ đông lớn, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, các chức danh quản lý, điều hành khác do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

Điều 72. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan[107]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan sau đây:

   a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và người có liên quan của họ;

   b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;

   c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.

2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

   a. Hợp đồng, giao dịch theo quy đinh tại Khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;

   b. Giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;

   c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 36 của Điều Lệ.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định này Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai/công bố thông tin hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 73. Bảo đảm quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty[108]

[107] Điều 167 LDN 2020 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 293 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[108] Điều 294 NĐ 155/2020/NĐ-CP

1. Công Ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công Ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều Lệ.

2. Công Ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Điều 74. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường[109]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để hạn chế những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 75. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc[110]

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

   a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công Ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

   c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công Ty sẽ tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 76. Công khai thông tin[111]

1. Công Ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

2. Công Ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

   a. Điều Lệ của Công Ty;

   b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc;

   c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

[109] Điều 48 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[110] Điều 166 LDN 2020
[111] Điều 176 LDN 2020

d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

3. Công Ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG VII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 77. Công nhân viên và công đoàn[112]

1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định của Điều Lệ đối với các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công Ty.

2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định của Điều Lệ đối với các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định của Điều Lệ, các quy chế của Công Ty và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ

Điều 78. Trả cổ tức[113]

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

   a. Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

   b. Đã trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

   c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều Lệ. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc trả cổ tức, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Trình tự, thủ tục trả cổ tức được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký tăng Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 79. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công Ty kinh doanh có lãi theo quy định của pháp luật.

Điều 80. Trích lập các quỹ[114]

1. Công Ty phải trích lập các quỹ, dự phòng bắt buộc theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm (nếu có).

---

[112] Điều 50 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

[113] Điều 135 LDN 2020

[114] Điều 3, Điều 5, Điều 6 TT 48/2019/TT-BTC

2. Ngoài các quỹ, dự phòng bắt buộc, Công Ty có thể trích lập các quỹ, dự phòng theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

CHƯƠNG IX. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 81. Tài khoản ngân hàng[115]

1. Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 82. Năm tài chính[116]

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 83. Chế độ kế toán[117]

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định của pháp luật có liên quan. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 84. Trình báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị[118]

Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 139 của Luật Doanh Nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
5. Hoạt động của các tiểu ban khác trực thuộc Hội Đồng Quản Trị (nếu có);
6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;
7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 85. Trình báo cáo hàng năm của Ban Kiểm Soát[119]

[115] Điều 52 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[116] Điều 53 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[117] Điều 54 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[118] Điều 175 LDN 2020
[119] Điều 290 NĐ 155/2020/NĐ-CP

1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điểm d, Điểm e Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ.

2. Bên cạnh trách nhiệm báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này, báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:

   a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và từng thành viên Ban Kiểm Soát;

   b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát;

   c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;

   d. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

   e. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;

   f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các cổ đông.

Điều 86. Chế độ báo cáo[120]

1. Việc báo cáo của Công Ty phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của Công Ty.

2. Công Ty phải gửi báo cáo định kỳ bằng tệp dữ liệu điện tử cho và/hoặc theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước với thời hạn, nội dung báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 89 của Điều Lệ này. Trước ngày 31 tháng 03 của năm tiếp theo, Công Ty phải gửi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước báo cáo tài chính năm và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận.

4. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty.

5. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 87. Công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin[121]:

   a. Công Ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công Ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

   b. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

[120] Điều 29 TT 121/2020/TT-BTC và Điều 55 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

[121] Điều 295 NĐ 155/2020/NĐ-CP

2. Công Ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến Công Ty theo quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

   a. Báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động quy định tại Điều 25 của Điều Lệ trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định thay đổi[122];

   b. Báo cáo về tình hình quản trị Công Ty tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và công bố thông tin trong báo cáo thường niên của Công Ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin[123];

   c. Báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty định kỳ 06 (sáu) tháng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán[124].

Điều 88. Tổ chức công bố thông tin[125]

1. Công Ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công Ty theo Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện theo pháp luật và/hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công Ty có trách nhiệm sau đây:

   a. Công bố các thông tin của Công Ty đến công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

   b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 89. Kiểm toán[126]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông (i) quyết định (các) công ty kiểm toán độc lập trong số các công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận theo quy định của pháp luật; hoặc (ii) phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn (các) trong số các công ty kiểm toán độc lập được phê duyệt đó để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo tình hình sử dụng vốn (nếu có) và/hoặc các báo cáo cần kiểm toán khác của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên các điều khoản và điều kiện thỏa thuận dịch vụ với Hội Đồng Quản Trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, được quyền nhận các thông báo, thông tin khác liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông, được phát biểu ý kiến tại Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 90. Tổ chức lại Công Ty[127]

1. Công Ty thực hiện tổ chức lại, phương án tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp) theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 91. Tạm ngừng hoạt động[128]

---

[122] Điều 296 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[123] Khoản 1 Điều 297 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[124] Khoản 2 Điều 297 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[125] Điều 300 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[126] Điều 57 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[127] Điều 206 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[128] Điều 208 NĐ 155/2020/NĐ-CP

1. Công Ty tạm ngừng hoạt động theo sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

2. Điều kiện tạm ngừng hoạt động Công Ty:

   a. Việc tạm ngừng hoạt động không được ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng của Công Ty;

   b. Thời gian tạm ngừng hoạt động tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch của Công Ty không quá 90 (chín mươi) ngày;

   c. Có phương án tạm ngừng hoạt động, phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực đã được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

3. Trình tự, thủ tục tạm ngừng hoạt động được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 92. Giải thể Công Ty[129]

1. Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

   a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

   c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Công Ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công Ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Công Ty được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Việc giải thể Công Ty trước thời hạn do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 93. Thanh lý tài sản[130]

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý tài sản Công Ty gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định bất kỳ và 01 (một) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản Công Ty trước Tòa án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Công Ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

   a. Các chi phí thanh lý;

   b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

   c. Nợ thuế;

   d. Các khoản nợ khác của Công Ty;

   e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm d nêu trên được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 94. Phá sản Công Ty

---

[129] Điều 207 LDN 2020

[130] Điều 61 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

Trình tự, thủ tục phá sản Công Ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ[131]

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

   a. Cổ đông với Công Ty;

   b. Cổ đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hoặc người điều hành khác.

   Các bên liên quan trước hết giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được thương lượng hoặc quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan đến thủ tục thương lượng, hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 96. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

2. Trong trường hợp có các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Điều Lệ này dẫn đến việc vi phạm quy định mới của pháp luật thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 97. Ngày hiệu lực

1. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua tại cuộc họp ngày 22 tháng 04 năm 2026, thay thế bản Điều Lệ đã được thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2025.

2. Điều Lệ này được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty.

Ngày 22 tháng 04 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

---

[131] Điều 62 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Điều Lệ của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2026)

STT	Vốn Điều Lệ (đồng)		Ghi chú
1	Thành lập ban đầu	**60.000.000.000**	Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/12/2006
2	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**120.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 06/09/2007
3	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**240.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28/12/2007
4	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**400.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 24/04/2019
5	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**439.600.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 30/03/2020
6	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**1.000.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/10/2020
7	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**2.000.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 06/08/2021
8	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**3.000.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 19/04/2024
9	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**3.359.997.430.000**	Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 26/08/2024
10	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**6.239.309.040.000**	Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/01/2026

Để làm rõ, thông tin các lần tăng Vốn Điều Lệ và mức Vốn Điều Lệ của Công Ty theo Phụ Lục 01 này là được cập nhật đến ngày 22 tháng 04 năm 2026.

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Ngày 22 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 1

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1

Điều 2. Giải thích từ ngữ 1

Điều 3. Nguyên tắc quản trị 2

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, quản trị 2

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông 2

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông và ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua 3

Điều 14. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 15. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 16. Hiệu lực Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 3

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 3

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 3

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 20. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 25. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 26. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 27. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 28. Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị 4

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công Ty 4

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT 4

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát 4

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát 4

Điều 33. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát 4

Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát 5

Điều 35. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát 5

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát 5

Điều 37. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát 5

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát 5

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN ĐIỀU HÀNH 5

Điều 39. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Điều Hành 5

Điều 40. Các tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành Công Ty 5

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc 5
Điều 42. Lựa chọn, bổ nhiệm Tổng Giám Đốc và người điều hành khác 5
Điều 43. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc và người điều hành khác 6
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 6
Điều 44. Nguyên tắc phối hợp 6
Điều 45. Cuộc họp giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành 6
Điều 46. Đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị của Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát 6
Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát Và Tổng Giám Đốc 7
CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 8
Điều 48. Đánh giá, khen thưởng và kỷ luật 8
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 9
Điều 49. Hiệu lực thi hành 9
Điều 50. Tổ chức thực hiện 9

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp (LDN 2000);
2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán (LCK 2019);
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, Nghị định số 245/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (NĐ 155/2020/NĐ-CP);
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (TT 116/2020/TT-BTC);
5. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (TT 121/2020/TT-BTC);
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (TT 96/2020/TT-BTC);
7. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán (TT 135/2025/TT-BTC);
8. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong được thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2025 và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung từng thời điểm ("**Điều Lệ Công Ty**").

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị này ("**Quy Chế Quản Trị**") quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc (Ban Điều Hành); trình tự, thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (Ban Điều Hành) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy Chế Quản Trị này được áp dụng cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (Ban Điều Hành) và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy Chế Quản Trị này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

   a. "**Công Ty**" là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.

   b. "**Giấy phép thành lập và hoạt động**" là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (tên trước đây của Công Ty) và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   c. "**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**" là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   d. "**Vốn Điều Lệ**" là vốn điều lệ của Công Ty được quy định tại Điều 9 của Điều Lệ Công Ty.

   e. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty[1].

   f. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty[2].

   g. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác[3].

   h. "**Người quản lý Công Ty**" hoặc "**Người quản lý**" là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc[4].

   i. "**Người nội bộ của Công Ty**" hoặc "**Người nội bộ**" bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng; Trưởng Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

   j. "**Ban Điều Hành**" là Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, Giám đốc/Trưởng các Khối và tương đương, Kế Toán Trưởng và các nhân sự khác do Tổng Giám Đốc quyết định tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ Công Ty và các quy định nội bộ của Công Ty.

   k. "**Người có liên quan**" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.

---

[1] Khoản 3 Điều 4 LDN 2020
[2] Khoản 18 Điều 4 LCK 2019
[3] Khoản 5 Điều 4 LDN 2020
[4] Khoản 24 Điều 4 LDN 2020

l. "**Người có quan hệ gia đình**" là người trong các mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.

m. "**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài**" là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần trên Vốn Điều Lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế đó.

n. "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

o. "**Luật Chứng Khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

2. Trong Quy Chế Quản Trị này, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Quy Chế Quản Trị này) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi việc đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Quy Chế Quản Trị này.

4. Trừ trường hợp Quy Chế Quản Trị này có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy Chế Quản Trị này sẽ có nghĩa tương tự như trong Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị[5]

Quy Chế Quản Trị này được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ Công Ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc (Ban Điều Hành).
4. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc (Ban Điều Hành) phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.
5. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
6. Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
7. Giám sát và ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty và trong giao dịch với người có liên quan.
8. Công khai minh bạch hoạt động của Công Ty.
9. Các nguyên tắc quản trị khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, quản trị[6]

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị.
3. Ban Kiểm Soát.
4. Tổng Giám Đốc.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông[7]

[5] Điều 3 TT 121/2020/TT-BTC
[6] Điều 137 LDN 2020 và Điều 11 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[7] Điều 138 LDN 2020

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền và nghĩa vụ như được quy định chi tiết tại Điều 26 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông

Được quy định chi tiết tại Điều 28 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[8]

Được quy định chi tiết tại Điều 29 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông

Được quy định chi tiết tại Điều 31 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại Hội Đồng Cổ Đông

Được quy định chi tiết tại Điều 30 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông và ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Được quy định chi tiết tại Điều 32 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[9]

Được quy định chi tiết tại Điều 33 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Được quy định chi tiết tại Điều 35 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua[10]

Được quy định chi tiết tại Điều 36 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 14. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông[11]

Được quy định chi tiết tại Điều 37 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 15. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[12]

Được quy định chi tiết tại Điều 38 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 16. Hiệu lực Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông

Được quy định chi tiết tại Điều 40 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Được quy định chi tiết tại Điều 39 của Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ được quy định chi tiết tại Điều 41 của Điều Lệ Công Ty.

---

[8] Điều 141 LDN 2020
[9] Điều 145 LDN 2020
[10] Điều 148 LDN 2020
[11] Điều 149 LDN 2020
[12] Điều 150 LDN 2020

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị[13]

Được quy định chi tiết tại Điều 45 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 20. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị[14]

Được quy định chi tiết tại Điều 42 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị[15]

Được quy định chi tiết tại Điều 43 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị[16]

Được quy định chi tiết tại Điều 44 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Điều Lệ Công Ty.

Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị[17]

Được quy định chi tiết tại Điều 49 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 25. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị[18]

Được quy định chi tiết tại Điều 50 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 26. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị[19]

Được quy định chi tiết tại Điều 47 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 27. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị[20]

Được quy định chi tiết tại Điều 48 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 28. Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị

Được quy định chi tiết tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 41 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị[21]

Được quy định chi tiết tại Điều 51 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công Ty[22]

Được quy định chi tiết tại Điều 52 của Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

Được quy định chi tiết tại Điều 55 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát[23]

Được quy định chi tiết tại Điều 59 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 33. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát[24]

Được quy định chi tiết tại Điều 56 của Điều Lệ Công Ty.

---

[13] Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[14] Điều 154 LDN 2020
[15] Điều 155 LDN 2020
[16] Điều 274 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[17] Điều 160 LDN 2020
[18] Điều 163 LDN 2020
[19] Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[20] Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[21] Điều 31 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[22] Điều 281 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[23] Điều 173 LDN 2020 và Điều 287 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[24] Điều 168 LDN 2020

Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát[25]

Được quy định chi tiết tại Điều 57 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 35. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát[26]

Được quy định chi tiết tại Điều 58 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát[27]

Được quy định chi tiết tại Điều 61 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 37. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát[28]

Được quy định chi tiết tại Điều 62 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát[29]

Được quy định chi tiết tại Điều 60 của Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 39. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Điều Hành

1. Ban Điều Hành được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung, chế độ một thủ trưởng, chịu trách nhiệm cá nhân. Tổng Giám Đốc là người lãnh đạo Ban Điều Hành, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công Ty. Giúp việc cho Tổng Giám Đốc có các thành viên Ban Điều Hành và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Tổng Giám Đốc phân công trách nhiệm và/hoặc ủy quyền cụ thể cho các thành viên trong Ban Điều Hành phụ trách các phần hoạt động nghiệp vụ; triển khai thực hiện kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh đã được phê duyệt; tổ chức đánh giá việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty.
3. Trong quá trình hoạt động, Ban Điều Hành có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ Công Ty và các quy định nội bộ của Công Ty.

Điều 40. Các tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành Công Ty

1. Tổng Giám Đốc là người điều hành cao nhất của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc[30] được quy định chi tiết tại Điều 65 của Điều Lệ Công Ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành khác: Theo quy định nội bộ của Công Ty có liên quan tại từng thời điểm.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc[31]

Được quy định chi tiết tại Điều 66 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 42. Lựa chọn, bổ nhiệm Tổng Giám Đốc và người điều hành khác

1. Công Ty có 01 (một) Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

---

[25] Điều 169 LDN 2020
[26] Điều 285 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[27] Điều 174 LDN 2020
[28] Điều 172 LDN 2020
[29] Điều 289 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[30] Khoản 5 Điều 74 LCK 2019, Khoản 5 Điều 162 LDN 2020, Khoản 6 Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC
[31] Khoản 3, Khoản 4 Điều 162 LDN 2020 và Khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

2. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được bổ nhiệm, tuyển dụng những người điều hành khác với số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với cơ cấu tổ chức Công Ty được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

Điều 43. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc và người điều hành khác

1. Công Ty trả lương cho những người điều hành Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công Ty.

2. Tiền lương của những người điều hành Công Ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 44. Nguyên tắc phối hợp

Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc phối hợp hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty và cổ đông.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ Công Ty và các quy định nội bộ của Công Ty.

3. Bảo đảm tính độc lập trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan; đồng thời phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm hoạt động quản trị, kiểm soát và điều hành của Công Ty được thực hiện hiệu quả và minh bạch.

4. Thực hiện cơ chế trao đổi thông tin và báo cáo kịp thời nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công Ty.

Điều 45. Cuộc họp giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành

1. Tại các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị và có thể mời thành viên Ban Điều Hành tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Ban Điều Hành, Kiểm Soát Viên được mời tham dự cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết[32].

2. Tại các cuộc họp Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc tham dự để trả lời các vấn đề cần được làm rõ và/hoặc thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc được mời tham dự cuộc họp Ban Kiểm Soát có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết[33].

3. Tại các cuộc họp Ban Điều Hành, Tổng Giám Đốc có thể mời thành viên Hội Đồng Quản Trị, các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Ban Kiểm Soát tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát được mời tham dự cuộc họp Ban Điều Hành có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

4. Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên[34].

Điều 46. Đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị của Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát[35]

---

[32] Khoản 7 Điều 157 LDN 2020

[33] Điều 289 NĐ 155/2020/NĐ-CP

[34] Khoản 6 Điều 157 LDN 2020

[35] Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

1. Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị của Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát Và Tổng Giám Đốc

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

   a. Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo nguyên tắc độc lập theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty;

   b. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị phải được gửi đến Ban Kiểm Soát theo quy định;

   c. Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát để phục vụ công tác giám sát;

   d. Ban Kiểm Soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội Đồng Quản Trị về kết quả kiểm tra, giám sát và các kiến nghị (nếu có);

   e. Hội Đồng Quản Trị xem xét và thông báo cho Ban Kiểm Soát về kết quả xử lý các kiến nghị của Ban Kiểm Soát.

2. Phối hợp hoạt động giữa Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc

   a. Tổng Giám Đốc và/hoặc thành viên Ban Điều Hành có thể tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu hoặc theo lời mời của Hội Đồng Quản Trị;

   b. Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và các vấn đề quan trọng trong hoạt động điều hành của Công Ty;

   c. Tổng Giám Đốc và/hoặc các thành viên Ban Điều Hành chỉ được thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sau khi có nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc khi được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chấp thuận theo quy định;

   d. Tổng Giám Đốc và/hoặc các thành viên Ban Điều Hành duy trì việc trao đổi thông tin thường xuyên với các thành viên Hội Đồng Quản Trị và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu với Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động kinh doanh và các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động của Công Ty;

   e. Các cuộc họp của Ban Điều Hành có thể có sự tham dự của đại diện Hội Đồng Quản Trị để trao đổi thông tin và tăng cường phối hợp trong việc triển khai các chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định và quy chế do Hội Đồng Quản Trị ban hành. Trong trường hợp cần thiết, Hội Đồng Quản Trị hoặc các thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể tham dự các cuộc họp của Ban Điều Hành;

   f. Các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của các thành viên Ban Điều Hành và các đơn vị gửi Tổng Giám đốc; các quyết định, chỉ thị, thông báo và các văn bản chỉ đạo khác của Tổng Giám Đốc đối với Ban Điều Hành và các đơn vị trong Công Ty phải được sao gửi cho Hội Đồng Quản Trị theo quy định để phục vụ công tác quản trị và giám sát.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc

a. Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm soát khi làm việc với Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành phải bảo đảm tính độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; đồng thời phối hợp chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong việc thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định;

b. Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Ban Kiểm Soát về việc thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác điều hành Công Ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

c. Trên cơ sở các báo cáo định kỳ và thông tin thu thập được trong quá trình giám sát, Ban Kiểm Soát có quyền kiến nghị Hội Đồng Quản Trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám Đốc nếu xét thấy cần thiết;

d. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều Lệ Công Ty hoặc các quyết định có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản hoặc uy tín của Công Ty, Ban Kiểm Soát có quyền kiến nghị Tổng Giám Đốc tạm dừng việc thực hiện các quyết định đó. Trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi đưa ra kiến nghị, Ban Kiểm Soát phải thông báo ý kiến của mình đến các thành viên Hội Đồng Quản Trị để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 48. Đánh giá, khen thưởng và kỷ luật

1. Tiêu chí đánh giá

Việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

a. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, bao gồm mức độ hoàn thành công việc, khối lượng, chất lượng và hiệu quả công việc của cá nhân; đồng thời xem xét sự phát triển và kết quả hoạt động của đơn vị do cá nhân đó phụ trách hoặc quản lý;

b. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức và việc tuân thủ, chấp hành Điều Lệ Công Ty, các chủ trương, chính sách, quy định của Công Ty và quy định của pháp luật có liên quan;

c. Tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn; tính trung thực, cầu thị trong công tác; ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao cũng như trong vị trí đang đảm nhiệm;

d. Năng lực quản lý, phong cách và thái độ trong công tác quản lý, điều hành công việc; việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí;

e. Tinh thần đoàn kết, hợp tác và phối hợp trong đơn vị và với các đơn vị khác trong Công Ty; mức độ tín nhiệm của cán bộ, nhân viên đối với cá nhân được đánh giá.

2. Khen thưởng

Hình thức và mức khen thưởng đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định trên cơ sở tổng mức thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua hàng năm; đồng thời căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công Ty đối với Tổng Giám Đốc, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

3. Kỷ luật

a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu có hành vi vi phạm quy định của pháp luật, Điều Lệ Công

Ty hoặc các quy định nội bộ của Công Ty thì, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của Công Ty;

b. Hội Đồng Quản Trị có thẩm quyền quyết định hình thức xử lý kỷ luật đối với các chức danh do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Tổng Giám Đốc có thẩm quyền quyết định hình thức xử lý kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám Đốc bổ nhiệm;

c. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục và hình thức xử lý kỷ luật được thực hiện theo quy định của Công Ty tại từng thời điểm.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Quy Chế Quản Trị này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2026 và thay thế Quy Chế Quản Trị đã được thông qua trước đó vào ngày 24 tháng 04 năm 2024.
2. Sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ Quy Chế Quản Trị này do Hội Đồng Quản Trị quyết định theo thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.
3. Trường hợp các quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty có liên quan đến hoạt động quản trị của Công Ty chưa được đề cập trong Quy Chế Quản Trị này hoặc trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Quy Chế Quản Trị này với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty, thì các quy định của pháp luật và/hoặc Điều Lệ Công Ty đương nhiên được áp dụng.

Điều 50. Tổ chức thực hiện

1. Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện Quy Chế Quản Trị này trong toàn Công Ty.
2. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, các thành viên Ban Điều Hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong Công Ty có trách nhiệm thi hành Quy Chế Quản Trị này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Ngày 22 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Giải thích từ ngữ 1
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị 2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 2
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị 2
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị 3
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị 3
Điều 8. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị 3
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị 3
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị 3
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị 3
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 3
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 3
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch 4
Điều 14. Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường 4
Điều 15. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị 5
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 5
Điều 16. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị 5
Điều 17. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị 5
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 5
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm 5
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị 5
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan 5
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 5
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị 5
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Điều Hành 6
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát 6
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 6
Điều 24. Hiệu lực thi hành 6

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp (LDN 2000);
2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán (LCK 2019);
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, Nghị định số 245/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (NĐ 155/2020/NĐ-CP);
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (TT 116/2020/TT-BTC);
5. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (TT 121/2020/TT-BTC);
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (TT 96/2020/TT-BTC);
7. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán (TT 135/2025/TT-BTC);
8. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong được thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2025 và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung từng thời điểm ("**Điều Lệ Công Ty**").

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

---o0o---

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị nhằm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ Công Ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị được áp dụng cho Hội Đồng Quản Trị, các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

   a. "**Công Ty**" là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.

   b. "**Giấy phép thành lập và hoạt động**" là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (tên trước đây của Công Ty) và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   c. "**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**" là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   d. "**Vốn Điều Lệ**" là vốn điều lệ của Công Ty được quy định tại Điều 9 của Điều Lệ Công Ty.

   e. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty[1].

   f. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty[2].

   g. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác[3].

   h. "**Người quản lý Công Ty**" hoặc "**Người quản lý**" là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc[4].

   i. "**Người nội bộ của Công Ty**" hoặc "**Người nội bộ**" bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng; Trưởng Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

   j. "**Ban Điều Hành**" là Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, Giám đốc/Trưởng các Khối và tương đương, Kế Toán Trưởng và các nhân sự khác do Tổng Giám Đốc quyết định tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ Công Ty và các quy định nội bộ của Công Ty.

   k. "**Người có liên quan**" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.

   l. "**Người có quan hệ gia đình**" là người trong các mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.

---

[1] Khoản 3 Điều 4 LDN 2020
[2] Khoản 18 Điều 4 LCK 2019
[3] Khoản 5 Điều 4 LDN 2020
[4] Khoản 24 Điều 4 LDN 2020

m. "**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài**" là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần trên Vốn Điều Lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế đó.

n. "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

o. "**Luật Chứng Khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

2. Trong Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi việc đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

4. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị sẽ có nghĩa tương tự như trong Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

1. Hội Đồng Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ đối với sự phát triển của Công Ty.

2. Hội Đồng Quản Trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám Đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị[5]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật có liên quan và được quy định chi tiết tại Điều 45 của Điều Lệ Công Ty; đồng thời, thành viên Hội Đồng Quản Trị có các nghĩa vụ sau:

   a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;

   b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

   c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

   d. Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

   e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị

[5] Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc và/hoặc người quản lý, điều hành khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.

2. Người quản lý, điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định của Điều Lệ Công Ty và quy định nội bộ của Công Ty có liên quan.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị[6]

Được quy định chi tiết tại Điều 42 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị[7]

Được quy định chi tiết tại Điều 43 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Được quy định chi tiết tại Điều 46 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị[8]

Được quy định chi tiết tại Điều 49 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị[9] được quy định chi tiết tại Điều 44 của Điều Lệ Công Ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Điều Lệ Công Ty, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội Đồng Quản Trị cần biểu quyết bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông Quyết Định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên theo quy định tại Khoản 1 Điều 44 của Điều Lệ Công Ty.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị thực hiện theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

[6] Điều 154 LDN 2020
[7] Điều 155 LDN 2020
[8] Điều 160 LDN 2020
[9] Điều 274 NĐ 155/2020/NĐ-CP

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ được quy định chi tiết tại Điều 41 của Điều Lệ Công Ty.

3. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công Ty quy định (nếu có). Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ Công Ty gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch

1. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 72 của Điều Lệ Công Ty.

2. Người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

   a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công Ty;

   b. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ Công Ty;

   d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 28 của Điều Lệ Công Ty.

3. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

   a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

   b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

   c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

   d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

   e. Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp, hình thức tổ chức cuộc họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị[10]

Được quy định chi tiết tại Điều 51 của Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị[11]

Được quy định chi tiết tại Điều 47 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 17. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị[12]

Được quy định chi tiết tại Điều 48 của Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo theo quy định tại Điều 84 của Điều Lệ Công Ty, bao gồm:

   a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;

   b. Báo cáo tài chính;

   c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;

   d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát.

2. Báo cáo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên nếu Điều Lệ Công Ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm Soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên nếu Điều Lệ Công Ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

Được quy định chi tiết tại Điều 50 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Được quy định chi tiết tại Điều 69 của Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội Đồng Quản Trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội Đồng Quản Trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản

[10] Điều 31 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[11] Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[12] Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

Trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Điều Hành

Với vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám Đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát

1. Mối quan hệ giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2026 và thay thế Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị đã được thông qua trước đó vào ngày 11 tháng 03 năm 2022.

2. Sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị này do Hội Đồng Quản Trị quyết định theo thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

3. Trường hợp các quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty có liên quan đến hoạt động của Hội Đồng Quản Trị chưa được đề cập trong Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị này hoặc trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị này với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty, thì các quy định của pháp luật và/hoặc Điều Lệ Công Ty đương nhiên được áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIEN PHONG SECURITIES

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Ngày 22 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Giải thích từ ngữ 3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm Soát 4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT 4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát 4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát 4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát 4
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm Soát 5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát 5
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát 5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát 5
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT 5
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát 5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát 7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm Soát trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường 7
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT 7
Điều 14. Cuộc họp Ban Kiểm Soát 7
Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm Soát 7
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH 8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 8
Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát 8
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 8
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT 8
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm Soát 8
Điều 20. Mối quan hệ với Ban Điều Hành 8
Điều 21. Mối quan hệ với Hội Đồng Quản Trị 8
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 8
Điều 22. Hiệu lực thi hành 9

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp (LDN 2000);
2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán (LCK 2019);
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, Nghị định số 245/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (NĐ 155/2020/NĐ-CP);
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (TT 116/2020/TT-BTC);
5. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (TT 121/2020/TT-BTC);
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (TT 96/2020/TT-BTC);
7. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán (TT 135/2025/TT-BTC);
8. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong được thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2025 và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung từng thời điểm ("**Điều Lệ Công Ty**").

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

---o0o---

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ Công Ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát được áp dụng cho Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm Soát.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

   a. "**Công Ty**" là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.

   b. "**Giấy phép thành lập và hoạt động**" là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (tên trước đây của Công Ty) và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   c. "**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**" là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   d. "**Vốn Điều Lệ**" là vốn điều lệ của Công Ty được quy định tại Điều 9 của Điều Lệ Công Ty.

   e. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty[1].

   f. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty[2].

   g. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác[3].

   h. "**Người quản lý Công Ty**" hoặc "**Người quản lý**" là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc[4].

   i. "**Người nội bộ của Công Ty**" hoặc "**Người nội bộ**" bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng; Trưởng Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát; Thư ký Công Ty, Người phụ trách quản trị Công Ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

   j. "**Ban Điều Hành**" là Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, Giám đốc/Trưởng các Khối và tương đương, Kế Toán Trưởng và các nhân sự khác do Tổng Giám Đốc quyết định tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ Công Ty và các quy định nội bộ của Công Ty.

   k. "**Người có liên quan**" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.

---

[1] Khoản 3 Điều 4 LDN 2020
[2] Khoản 18 Điều 4 LCK 2019
[3] Khoản 5 Điều 4 LDN 2020
[4] Khoản 24 Điều 4 LDN 2020

l. "**Người có quan hệ gia đình**" là người trong các mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.

m. "**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài**" là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần trên Vốn Điều Lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế đó.

n. "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

o. "**Luật Chứng Khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

2. Trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi việc đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát.

4. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát sẽ có nghĩa tương tự như trong Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm Soát.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát[5]

1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát được quy định chi tiết tại Điều 59 của Điều Lệ Công Ty.

2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều Lệ Công Ty, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm Soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm Soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.

5. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm Soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát[6]

Được quy định chi tiết tại Điều 56 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát[7]

Được quy định chi tiết tại Khoản 1 Điều 57 của Điều Lệ Công Ty.

---

[5] Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[6] Điều 154 LDN 2020
[7] Điều 155 LDN 2020

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm Soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Trưởng Ban Kiểm Soát được quy định chi tiết tại Khoản 2 Điều 57 của Điều Lệ Công Ty.
2. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm Soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát được quy định chi tiết tại Khoản 2 Điều 55 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm Soát được quy định chi tiết tại Điều 58 của Điều Lệ Công Ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm Soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Điều Lệ Công Ty, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Ban Kiểm Soát cần biểu quyết bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát[8]

Được quy định chi tiết tại Điều 61 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm Soát, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên theo quy định tại Điều 58 và Khoản 1 Điều 44 của Điều Lệ Công Ty.
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát thực hiện theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

1. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông.

[8] Điều 160 LDN 2020

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

7. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông.

14. Thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công Ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ Công Ty của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội Đồng Quản Trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

24. Trưởng Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định chi tiết tại Khoản 1 Điều 55 của Điều Lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm Soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm:

   a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và tài liệu kèm theo;

   b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị;

   c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

3. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm Soát hoặc Ban Kiểm Soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm Soát trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

1. **Ban Kiểm Soát có trách nhiệm thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 ngày** trong các trường hợp sau đây:

   a. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

   b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;

   c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông của Ban Kiểm Soát nhưng Hội Đồng Quản Trị không thực hiện;

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp Ban Kiểm Soát[9]

Được quy định chi tiết tại Điều 60 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm Soát[10]

[9] Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[10] Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Kết thúc năm tài chính, Ban Kiểm Soát phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo theo quy định tại Điều 85 của Điều Lệ Công Ty, bao gồm:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và từng thành viên Ban Kiểm Soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty, Công Ty con, Công Ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với Công Ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát

Được quy định chi tiết tại Điều 62 của Điều Lệ Công Ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Được quy định chi tiết tại Điều 69 của Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm Soát

1. Các thành viên Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát theo quy định pháp luật và Điều Lệ Công Ty. Trưởng Ban Kiểm Soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm Soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm Soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban Điều Hành

Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập với Ban Điều Hành, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Điều Hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập với Hội Đồng Quản Trị Công Ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2026 và thay thế Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát đã được thông qua trước đó vào ngày 11 tháng 03 năm 2022.

2. Sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát này do Ban Kiểm Soát quyết định theo thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

3. Trường hợp các quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm Soát chưa được đề cập trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát này hoặc trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát này với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty, thì các quy định của pháp luật và/hoặc Điều Lệ Công Ty đương nhiên được áp dụng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2026/TTr-TPS.HĐQT	*TP. HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH

(V/v: Bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031)

***Kính gửi*: Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty ("**Điều Lệ**");*
- *Căn cứ kết quả đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo Thông báo số 02/2026/TPS-TBCĐ ngày 30/03/2026;*
- *Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ ứng cử viên;*

Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021-2026 sẽ kết thúc vào ngày diễn ra cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026.

Để triển khai công tác bầu cử bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều Lệ, Hội Đồng Quản Trị đã ban hành Thông báo số 02/2026/TPS-TBCĐ ngày 30/03/2026 gửi đến các cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031; trong đó nêu cụ thể số lượng các thành viên dự kiến bầu, cùng các điều kiện, tiêu chuẩn cần phải đáp ứng đối với từng chức danh, làm cơ sở để cổ đông thực hiện quyền đề cử, ứng cử theo quy định.

Đến hết ngày 10/04/2026, sau khi kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề cử, ứng cử, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức họp để xem xét, thẩm định và thông qua danh sách ứng cử viên để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty nhiệm kỳ 2026-2031.

Theo đó, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua các nội dung như sau:

1. **Nhiệm kỳ thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát**

   Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị và nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát dự kiến là **05 (năm) năm** (2026-2031) và được tính bắt đầu kể từ ngày Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 về việc bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới có hiệu lực.

2. **Số lượng, cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát**

   - Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2026-2031 dự kiến gồm **05 (năm)** thành viên, trong đó có tối thiểu **01 (một)** thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và tối thiểu **01 (một)** thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành.
   - Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031 dự kiến gồm **03 (ba)** thành viên.

3. **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát**

   - Đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều 43 và Điều 57 của Điều Lệ.

4. **Danh sách ứng cử viên dự kiến trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát**

a. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị dự kiến:

STT	Họ và tên ứng cử viên	Chức danh dự kiến bầu
1	(Ông) Nguyễn Hồng Quân	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
2	(Bà) Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
3	(Bà) Đặng Thị Bích Thủy	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
4	(Ông) Trần Quang Huy	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
5	(Bà) Đặng Thị Hương Lan	Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị

b. Danh sách ứng cử viên thành viên Ban Kiểm Soát dự kiến:

STT	Họ và tên ứng cử viên	Chức danh dự kiến bầu
1	(Bà) Nguyễn Thị Ngọc Tú	Thành viên Ban Kiểm Soát
2	(Bà) Ngô Thị Lệ Thanh	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	(Bà) Nguyễn Thị Phương Thủy	Thành viên Ban Kiểm Soát

(*Thông tin tóm tắt về các ứng cử viên đính kèm Tờ trình*)

5. **Thể lệ và quy tắc bầu cử**

Thực hiện theo dự thảo Quy chế Bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031 được đính kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

S.G.P: 49 - C.T.C
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- BKS (để biết);
- Lưu: VP. HĐQT.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÁC ỨNG CỬ VIÊN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2026-2031

I. Danh sách các ứng cử viên dự kiến bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2026-2031

1. (Ông) Nguyễn Hồng Quân - Chức danh dự kiến bầu: Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2026-2031

- Ngày/tháng/năm sinh: 21/02/1968.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Kinh nghiệm làm việc: Ông Quân có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo cấp cao tại các tổ chức uy tín, cụ thể là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong; Quyền Tổng Giám đốc, trước đó là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nguồn vốn, Đầu tư và Phân tích tại CTCP Chứng khoán An Bình; Chuyên gia, Trưởng dự án tại Bộ Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Quản trị rủi ro Thị trường - Thanh khoản và Phó Giám đốc Tuân thủ nội bộ tại Citibank.

  Ông Quân được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của TPS nhiệm kỳ 2021-2026 từ tháng 06/2025 và hiện giữ chức vụ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của TPS. Đồng thời, Ông Quân là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của CTCP Công nghệ Tài sản số Tiên Phong.

2. (Bà) Phạm Thị Huyền Trang - Chức danh dự kiến bầu: Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2026-2031

- Ngày/tháng/năm sinh: 16/09/1989.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán.
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Trang có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, với chuyên môn sâu về quản trị rủi ro. Bà Trang có quá trình công tác lâu năm tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong, từng đảm nhiệm nhiều vị trí từ chuyên môn đến quản lý cấp cao trong Khối Quản trị rủi ro. Trong quá trình công tác, Bà Trang trực tiếp tham gia xây dựng và hoàn thiện khung quản trị rủi ro, thiết lập cơ chế, chính sách kiểm soát; giám sát các rủi ro trọng yếu của ngân hàng, đồng thời tham gia điều hành hoạt động các đơn vị trong Khối Quản trị rủi ro.

  Bà Trang được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của TPS nhiệm kỳ 2021-2026 từ tháng 04/2024 và hiện giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của TPS.

3. (Bà) Đặng Thị Bích Thủy - Chức danh dự kiến bầu: Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2026-2031

- Ngày/tháng/năm sinh: 12/11/1971.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng.
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Bích Thủy có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và chứng khoán, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý, điều hành tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP An Bình. Trong quá trình công tác, Bà Bích Thủy tích lũy kinh nghiệm trong quản lý hoạt động kinh doanh, tài chính, tín

dụng, đồng thời tham gia kiểm soát rủi ro và điều hành đơn vị kinh doanh tại các tổ chức tài chính.

Hiện nay, Bà Bích Thủy là Giám đốc Đầu tư kiêm Giám đốc Điều hành Văn phòng Hà Nội tại TPS, tham gia quản lý hoạt động đầu tư và vận hành chung của TPS. Bà Bích Thủy được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của TPS nhiệm kỳ 2021-2026 từ tháng 06/2025.

4. **(Ông) Trần Quang Huy - Chức danh dự kiến bầu: Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2026-2031**

- Ngày/tháng/năm sinh: 22/07/1984.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý hệ thống.
- Kinh nghiệm làm việc: Ông Huy có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị hệ thống và vận hành tại các tổ chức. Ông từng công tác tại FPT và VPBank, đảm nhiệm các vai trò liên quan đến quản lý hệ thống chất lượng và quản lý mạng lưới, qua đó tích lũy kinh nghiệm trong xây dựng, chuẩn hóa và tối ưu hóa quy trình vận hành trên quy mô toàn hệ thống.

  Hiện nay, Ông Huy giữ vị trí Phó Giám đốc Khối Vận hành tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong, trực tiếp tham gia quản lý, điều phối hoạt động vận hành; xây dựng và cải tiến quy trình nội bộ; tăng cường kiểm soát và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Ông Huy được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của TPS nhiệm kỳ 2021-2026 từ tháng 06/2025.

5. **(Bà) Đặng Thị Hương Lan - Chức danh dự kiến bầu: Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2026-2031**

- Ngày/tháng/năm sinh: 31/07/1983.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Quốc tế.
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Lan có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trong quá trình công tác, Bà Lan đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý và điều hành tại các tổ chức uy tín như Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng Sacombank, Ngân hàng TMCP Quân Đội và CTCP Chứng khoán Rồng Việt. Kinh nghiệm công tác tại các tổ chức này giúp Bà tích lũy nền tảng vững chắc trong quản lý hoạt động tài chính; xây dựng và triển khai cơ chế kiểm soát nội bộ; quản lý rủi ro, cũng như nâng cao hiệu quả vận hành của các tổ chức tài chính.

  Với kinh nghiệm quản trị đa dạng và tư duy độc lập, Bà Lan có đủ năng lực đóng góp khách quan, hiệu quả vào công tác quản trị, giám sát và định hướng chiến lược của công ty chứng khoán.

II. **Danh sách các ứng cử viên dự kiến bầu làm thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031**

1. **(Bà) Nguyễn Thị Ngọc Tú - Chức danh dự kiến bầu: Thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031**

- Ngày/tháng/năm sinh: 24/05/1982.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán.
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Tú có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị tài chính - kế toán. Bà Tú công tác tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong từ năm 2010 đến nay, hiện đang đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Khối Tài chính,

phụ trách quản lý hoạt động tài chính, xây dựng hệ thống báo cáo quản trị và cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác điều hành của ngân hàng.

Trước đó, Bà Tú từng đảm nhiệm vị trí phụ trách kế toán tại Công ty TNHH Akzo Nobel Coatings Việt Nam và công tác tại CTCP Kiểm toán Thăng Long, qua đó tích lũy nền tảng chuyên môn vững chắc về kế toán, kiểm toán và quản trị tài chính doanh nghiệp.

Với kinh nghiệm chuyên môn và thực tiễn, Bà Tú đáp ứng đầy đủ năng lực để tham gia thực hiện công tác kiểm tra, giám sát với vai trò thành viên Ban Kiểm Soát tại TPS.

2. **(Bà) Ngô Thị Lệ Thanh - Chức danh dự kiến bầu: Thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031**

- Ngày/tháng/năm sinh: 05/07/1982.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Thanh có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và chứng khoán. Hiện Bà Thanh đang công tác tại TPS với vị trí Giám đốc Phân tích, phụ trách công tác nghiên cứu, phân tích thị trường và doanh nghiệp, hỗ trợ hoạt động đầu tư và kinh doanh của TPS.

  Trước đó, Bà Thanh từng đảm nhiệm các vị trí quản lý trong lĩnh vực quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tham gia xây dựng hệ thống nhận diện rủi ro và kiểm soát chất lượng tín dụng; đồng thời có kinh nghiệm giám sát hoạt động tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt và làm việc trong lĩnh vực quan hệ khách hàng, tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại Á.

  Bà Thanh được bầu vào Ban Kiểm Soát của TPS nhiệm kỳ 2021-2026 từ tháng 03/2022.

3. **(Bà) Nguyễn Thị Phương Thủy - Chức danh dự kiến bầu: Thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031**

- Ngày/tháng/năm sinh: 26/09/1995.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Kế toán.
- Kinh nghiệm làm việc: Bà Phương Thủy có hơn 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, với chuyên môn về quản trị rủi ro và hoạt động nguồn vốn. Bà Phương Thủy hiện đang làm việc tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong, tham gia công tác quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng.

  Trước đó, Bà Phương Thủy từng làm việc tại Ngân hàng TMCP An Bình trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và quan hệ khách hàng định chế tài chính, qua đó tích lũy kinh nghiệm về thị trường tiền tệ, quản lý nguồn vốn và vận hành hoạt động tài chính.

  Bà Phương Thủy được bầu vào Ban Kiểm Soát của TPS nhiệm kỳ 2021-2026 từ tháng 06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: QCBC/ĐHĐCĐTN/2026	*TP. HCM, ngày …… tháng …… năm 2026*

DỰ THẢO

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2026-2031

(tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Điều Lệ**");*

Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**"), Đại Hội Đồng Cổ Đông thực hiện bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031 theo Quy chế Bầu cử này.

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử:
   a. Việc bầu cử tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và Quy chế Bầu cử này nhằm bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
   b. Việc bầu cử được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và bỏ phiếu kín.
2. Đối tượng có quyền thực hiện bầu cử: Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty theo Danh sách người sở hữu chứng khoán có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 do VSDC chốt tại **ngày 20/03/2026** hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp.

Điều 2. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát

1. Nhiệm kỳ thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát

   Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị và nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát dự kiến là **05 (năm) năm** (2026-2031).

2. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát
   - Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2026-2031 dự kiến gồm **05 (năm)** thành viên, trong đó có tối thiểu **01 (một)** thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và tối thiểu **01 (một)** thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành.
   - Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031 dự kiến gồm **03 (ba)** thành viên.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát
   - Đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều 43 và Điều 57 của Điều Lệ.

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát

Việc đề cử và ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo Thông báo số 02/2026/TPS-TBCĐ ngày 30/03/2026 của Công Ty về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031.

Điều 4. Danh sách ứng cử viên

Danh sách ứng cử viên chính thức sẽ được công bố và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2026-2031 tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026, trên cơ sở hồ sơ của các ứng cử viên được đề cử, ứng cử hợp lệ và các ứng cử viên do Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Ban Kiểm Soát đương nhiệm giới thiệu bổ sung (nếu cần).

Điều 5. Thể thức bầu cử

1. Việc bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết thuộc sở hữu của cổ đông nhân với số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát cần thực hiện bầu.
2. Cổ đông có quyền dồn toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Trường hợp cổ đông không sử dụng hết tổng số phiếu bầu của mình thì phần phiếu chưa sử dụng không được tính cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 6. Hình thức tiến hành bầu cử

1. Thẻ bầu cử: Mỗi cổ đông được nhận 01 (một) Thẻ bầu cử do Ban Tổ chức Đại hội phát hành. Thẻ bầu cử thể hiện các thông tin sau: Mỗi cổ đông sẽ được nhận 01 (một) "**Thẻ bầu cử**", trên đó có ghi tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, mã số thẻ bầu cử, tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết, số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát cần thực hiện bầu, tổng số phiếu bầu (đã được xác định bằng cách nhân tổng số cổ phần có quyền biểu quyết với số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát cần thực hiện bầu), danh sách các ứng cử viên (được sắp xếp theo bảng chữ cái tiếng Việt); và có đóng dấu treo của Công Ty.
   - Tên cổ đông/người đại diện;
   - Mã số thẻ bầu cử;
   - Tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết;
   - Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát cần thực hiện bầu;
   - Tổng số phiếu bầu của cổ đông (được xác định bằng cách nhân tổng số cổ phần có quyền biểu quyết với số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát cần thực hiện bầu);
   - Danh sách ứng cử viên.
2. Cách ghi Thẻ bầu cử: Cổ đông thực hiện bầu theo một trong hai phương thức sau đây:
   a. Ghi số phiếu bầu cụ thể vào (các) ô tương ứng có tên của (các) ứng cử viên: Cổ đông có quyền dùng toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Cổ đông ghi số phiếu bầu cụ thể mà cổ đông bầu cho ứng cử viên vào ô tương ứng có tên của ứng cử viên. Tổng số phiếu bầu mà cổ đông bầu cho (các) ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông; hoặc

b. Đánh dấu "X" vào (các) ô tương ứng có tên của (các) ứng cử viên: Cổ đông có quyền đánh dấu "X" vào một hoặc nhiều ô để bầu cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Số phiếu bầu mà cổ đông bầu cho từng ứng cử viên sẽ bằng tổng số phiếu bầu của cổ đông chia đều cho số lượng (các) ứng cử viên được cổ đông bầu, số lượng phiếu bầu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Trường hợp ghi sai, cổ đông có thể đề nghị Ban Tổ chức Đại hội hỗ trợ đổi Thẻ bầu cử khác để ghi lại (chỉ đổi khi chưa bỏ Thẻ bầu cử vào thùng phiếu).

3. Quy định về Thẻ bầu cử:

a. Thẻ bầu cử hợp lệ là Thẻ bầu cử đáp ứng được tất cả các điều kiện sau đây:

(i) Thẻ bầu cử do Ban Tổ chức Đại hội phát ra (theo mẫu và có dấu của Công Ty);

(ii) Thẻ bầu cử có đầy đủ thông tin, chữ ký của cổ đông/người đại diện của cổ đông;

(iii) Thẻ bầu cử không bị rách, tẩy xóa, chỉnh sửa nội dung; không viết thêm nội dung/ký hiệu nào khác so với mẫu được phát ra;

(iv) Thẻ bầu cử có tổng số phiếu bầu cho (các) ứng cử viên bằng hoặc thấp hơn tổng số phiếu bầu ghi trên Thẻ bầu cử.

b. Thẻ bầu cử không hợp lệ là Thẻ bầu cử thuộc một trong các trường hợp sau:

(i) Thẻ bầu cử không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điểm a trên đây;

(ii) Thẻ bầu cử không được cổ đông thực hiện biểu quyết bầu theo một trong hai phương thức ghi Thẻ bầu cử theo quy định của Quy chế Bầu cử;

(iii) Thẻ bầu cử không được bỏ vào thùng phiếu và/hoặc được nộp sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.

Thẻ bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

Điều 7. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh bỏ phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau khoảng thời gian bỏ phiếu nhất định được hướng dẫn/thông báo bởi Ban Tổ chức Đại hội, tùy thuộc thời điểm nào đến trước.

2. Sau khi kết thúc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được niêm phong trước sự chứng kiến của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

3. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu và niêm phong thùng phiếu kết thúc.

4. Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc cổ đông không giữ chức vụ quản lý trong Công Ty.

5. Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử

1. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát cần thực hiện bầu.

2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt số phiếu bầu ngang nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kết thúc việc kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu bằng văn bản.

2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa phân công đọc/công bố trước Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 10. Khiếu nại và xử lý khiếu nại

Các khiếu nại phát sinh liên quan đến việc bầu cử tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được Chủ tọa giải quyết và được ghi vào Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế Bầu cử này. Cổ đông vi phạm Quy chế Bầu cử này thì tùy theo mức độ vi phạm cụ thể, Chủ tọa sẽ xem xét và áp dụng hình thức xử lý phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ.

2. Quy chế Bầu cử này gồm 11 (mười một) Điều và có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP